

Số: 67 /BC-KQT

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Kính gửi: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, Đại học Huế.

Thực hiện công văn số 863/ĐHH-ĐTCTSV của Đại học Huế ngày 21 tháng 6 năm 2022 Khoa Quốc tế - Đại học Huế kính cập nhật báo cáo công khai năm học 2021-2022 nội dung theo biểu mẫu sau:

1. Số 17: Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm 2021-2022
2. Số 18: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm 2021-2022
3. Số 19: Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm 2021-2022
4. Số 20: Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
5. Số 21: Công khai tài chính.

Khoa Quốc tế kính gửi các thông tin về tình hình thực hiện Quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo theo yêu cầu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ. Đỗ Thị Xuân Dung (để b/c);
- Lưu VT.NTH.

KHOA TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Khánh Linh

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo đại học năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiên sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
A		Trình độ đào tạo đại học chính quy ngành Quan hệ quốc tế						
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Phương thức tuyển sinh 2022:</p> <p>⇒ Phương thức 1: Xét tuyển trên Kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2022 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển</p> <p>⇒ Phương thức 2: Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) THPT</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Xét trên tổng điểm TBC 3 học kỳ trong học bạ THPT (lớp 11 & HK I lớp 12) của tổ hợp xét tuyển $\geq 18đ$. ▪ Xét trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm Trung học phổ thông, không tính học kỳ II của lớp 12 $\geq 18đ$. ▪ Xét trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm trung học phổ thông $\geq 18đ$. <p>Phương thức 3 (Xét tuyển theo phương thức riêng): Khoa Quốc tế ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh thỏa mãn một trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có học lực xếp loại giỏi 03 học kỳ (HK 1 và 2 của năm lớp 11 và HK 1 năm lớp 12). - Đạt giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi học giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc giải nhất, nhì, ba trong các cuộc thi Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Có học lực xếp loại khá 03 học kỳ (HK 1 và 2 của năm lớp 11 và HK 1 năm lớp 12). Và thỏa mãn một trong hai điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS ≥ 5.5 (hoặc tương đương theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo); chứng chỉ còn thời hạn đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. + Là học sinh lớp 12 chuyên tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung hoặc là học sinh lớp song ngữ có học tiếng Pháp/ tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung của các trường THPT và điểm trung bình 3 học kỳ (2 học kỳ năm lớp 11 và học kỳ I năm lớp 12) môn tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung $\geq 8,0$. - Là người nước ngoài đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (xếp loại học lực đạt loại khá trở lên) và có trình độ tiếng Việt đạt từ Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. 						
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức: Sinh viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản về quốc tế học (quan hệ quốc tế, về kinh tế và luật pháp quốc tế, về lịch sử và văn hóa thế giới, ...), về khu vực châu Âu và châu Mỹ, về chính sách và quan hệ đối ngoại của Việt nam.</p> <p>2. Về kỹ năng: Sinh viên được trang bị những kiến thức về: + Đáp ứng yêu cầu theo điều 27-Quy chế đào tạo ĐH&CD hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày</p>						

		<p>15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật) giao tiếp tương đương bằng B, trình độ tin học văn phòng tương đương bằng B (thông qua đợt khảo sát cuối khóa do trường tổ chức). + Nắm vững kiến thức đại cương, đại cương ngành và chuyên ngành để học các chương trình đại học khác theo quy định và nâng cao trình độ nghiệp vụ. + Phương pháp nghiên cứu các vấn đề quốc tế + Phương pháp giao tiếp quốc tế <p>3. Về thái độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự học tập nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu mới + Tinh thần xây dựng cải tiến cách thức làm việc để đạt hiệu quả cao hơn. + Quan tâm đến sự phát triển của cơ quan, tổ chức doanh nghiệp nơi đang hoạt động. + Phê phán, đấu tranh chống các hành vi sai trái. <p>4. Về trình độ năng lực: Sau khi tốt nghiệp đại học ngành Quan hệ Quốc tế, sinh viên có khả năng đảm nhận các loại công việc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về quốc tế tại các trường đại học, các viện khoa học, các cơ quan ngoại giao ở trung ương hay ở địa phương. + Nghiên cứu các vấn đề quốc tế và làm công tác đối ngoại tại các cơ quan an ninh, quốc phòng, các cơ quan truyền thông, các cơ quan văn hóa đối ngoại. + Làm việc trong các cơ quan đại diện, các cơ sở doanh nghiệp của người Việt Nam và người nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài. + Làm việc trong các cơ quan đại diện của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài, các liên doanh và doanh nghiệp tư nhân. + Có khả năng công tác trên các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy hoặc phục vụ trong các ngành liên quan đến các vấn đề quốc tế và quan hệ đối ngoại.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp đầy đủ chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần - Trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ học tập theo hệ thống đào tạo tín chỉ - Tặng học bổng khuyến khích học tập sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn - Cố vấn học tập hỗ trợ tư vấn các vấn đề về đào tạo và nghề nghiệp cho sinh viên - Kết nối với các công ty doanh nghiệp giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo đại học chính quy
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ quốc tế là một ngành khoa học mang tính liên ngành, nghiên cứu có hệ thống những quan hệ chính trị, kinh tế giữa chính phủ và con người ở các quốc gia trên thế giới, trên cơ sở so sánh những hệ thống kinh tế và chính trị khác nhau. - Bên cạnh những kiến thức căn bản (về lịch sử, địa lý, văn hóa - xã hội các nước), sinh viên ngành quan hệ quốc tế sẽ được học cách phân tích khái niệm và ý tưởng để có thể hệ thống, giải thích, hiểu, phân tích và so sánh được mối quan hệ giữa các quốc gia. - Ngành quan hệ quốc tế đào tạo người làm công tác đối ngoại. - Mảng kiến thức sinh viên phải có là kiến thức về quốc tế (kinh tế quốc tế,

		luật quốc tế, lịch sử...), kỹ năng đàm phán, ngoại giao và quan trọng nhất là tiếng Anh chuyên ngành quan hệ quốc tế.
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân quan hệ quốc tế có thể làm việc trong các cơ quan ngoại giao, từ Bộ Ngoại giao đến các đại sứ quán hoặc các văn phòng lãnh sự hoặc các đại diện thương mại của Việt Nam ở nước ngoài; - làm việc tại các đại sứ quán hoặc văn phòng lãnh sự nước ngoài tại Việt Nam; - làm đại diện cho các công ty, tập đoàn VN ở nước ngoài hoặc các tập đoàn, công ty nước ngoài tại Việt Nam. <ul style="list-style-type: none"> - trở thành nhân viên quan hệ công chúng - Public Relations (PR) hoặc có thể công tác tại các phòng ban trong các trường đại học về quan hệ quốc tế, đối ngoại hoặc hợp tác quốc tế và tại các ban quản lý các dự án quốc tế.
B		Trình độ đào tạo đại học chính quy ngành Truyền thông đa phương tiện
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Phương thức tuyển sinh 2022:</p> <ul style="list-style-type: none"> ⇒ Phương thức 1: Xét tuyển trên Kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2022 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển ⇒ Phương thức 2: Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) THPT <ul style="list-style-type: none"> ▪ Xét trên tổng điểm TBC 3 học kỳ trong học bạ THPT (lớp 11 & HK I lớp 12) của tổ hợp xét tuyển $\geq 18đ$. ▪ Xét trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm Trung học phổ thông, không tính học kỳ II của lớp 12 $\geq 18đ$. ▪ Xét trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm trung học phổ thông $\geq 18đ$. <p>Phương thức 3 (Xét tuyển theo phương thức riêng): Khoa Quốc tế ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh thỏa mãn một trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có học lực xếp loại giỏi 03 học kỳ (HK 1 và 2 của năm lớp 11 và HK 1 năm lớp 12). - Đạt giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi học giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc giải nhất, nhì, ba trong các cuộc thi Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Có học lực xếp loại khá 03 học kỳ (HK 1 và 2 của năm lớp 11 và HK 1 năm lớp 12). Và thỏa mãn một trong hai điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS ≥ 5.5 (hoặc tương đương theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo); chứng chỉ còn thời hạn đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. + Là học sinh lớp 12 chuyên tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung hoặc là học sinh lớp song ngữ có học tiếng Pháp/ tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung của các trường THPT và điểm trung bình 3 học kỳ (2 học kỳ năm lớp 11 và học kỳ I năm lớp 12) môn tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung $\geq 8,0$. - Là người nước ngoài đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (xếp loại học lực đạt loại khá trở lên) và có trình độ tiếng Việt đạt từ Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức đại cương <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và giải thích những nguyên lý, kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam - Trình bày và áp dụng kiến thức cơ bản ngoại ngữ và công nghệ thông tin + Kiến thức ngành <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các kiến thức nền tảng về: lý luận truyền thông, nhập môn truyền thông, mỹ học và nguyên lý thiết kế

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ngôn ngữ truyền thông và ứng dụng sản xuất các sản phẩm truyền thông thuộc các loại hình khác nhau; - Giải thích được các vấn đề liên quan đến tâm lý học truyền thông, truyền thông trực tuyến, PR, quảng cáo, thương hiệu, công chúng. Từ đó, vận dụng kiến thức để hoạch định chiến lược và kế hoạch truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông, và tổ chức sự kiện. - Vận dụng các kiến thức về thiết kế đồ họa, website, nhiếp ảnh để sản xuất các sản phẩm liên quan đến truyền thông thị giác <p>2. Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng nghề nghiệp <ul style="list-style-type: none"> - Thành thạo trong kỹ năng thu thập, tổng hợp, thiết kế, và sản xuất các sản phẩm sản phẩm truyền thông - Thành thạo việc tổ chức sự kiện, kết nối quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông; quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện - Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới trong hoạt động truyền thông (máy quay phim, máy chụp ảnh, máy ghi âm, các phần mềm xử lý hình ảnh,...), và các ứng dụng trên nền tảng đa phương tiện (web, mạng xã hội,...) để sản xuất và phát triển các sản phẩm truyền thông đa phương tiện + Kỹ năng mềm <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm việc dưới áp lực thời gian và thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc; - Có phẩm chất trong giải quyết vấn đề: tư duy sáng tạo, xử lý khủng hoảng, lập kế hoạch và tổ chức công việc - Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp: chủ động, tích cực trong khi làm việc cùng ekip để sản xuất sản phẩm truyền thông; - Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam <p>3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lập trường tư tưởng rõ ràng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội. - Có thái độ trung thực, khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học nói chung và lĩnh vực truyền thông nói riêng. - Có ý thức giữ gìn, bảo tồn, quảng bá và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc. - Có tác phong làm việc kỷ luật, khoa học; có tinh thần cầu tiến trên cơ sở nhận thức đầy đủ về vai trò - vị trí xã hội của truyền thông đại chúng.
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp đầy đủ chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần - Trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ học tập theo hệ thống đào tạo tín chỉ - Tặng học bổng khuyến khích học tập sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn - Có vấn học tập hỗ trợ tư vấn các vấn đề về đào tạo và nghề nghiệp cho sinh viên - Kết nối với các công ty doanh nghiệp giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo đại học chính quy

V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện, sinh viên có thể đảm nhận các công việc tại các cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước hoạt động liên quan đến lĩnh vực truyền thông đa phương tiện như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đài truyền hình, hãng sản xuất phim điện ảnh, phim truyền hình, phim hoạt hình,... - Công ty báo chí, báo điện tử, nhà xuất bản; - Công ty phần mềm, thiết kế đồ họa, phát triển game, công nghệ mô phỏng, website; - Công ty giải trí, quảng cáo, tổ chức sự kiện và quan hệ công chúng... - Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh các sản phẩm đa phương tiện - Có thể tiếp tục học lên trình độ sau đại học trong nước hoặc ở nước ngoài.
C		Trình độ đào tạo đại học chính quy ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Phương thức tuyển sinh 2022:</p> <p>⇒ Phương thức 1: Xét tuyển trên Kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2022 theo tổ hợp đăng ký xét tuyển</p> <p>⇒ Phương thức 2: Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) THPT</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Xét trên tổng điểm TBC 3 học kỳ trong học bạ THPT (lớp 11 & HK I lớp 12) của tổ hợp xét tuyển $\geq 18đ$. ▪ Xét trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm Trung học phổ thông, không tính học kỳ II của lớp 12 $\geq 18đ$. ▪ Xét trên Kết quả học tập (Học bạ) 3 năm trung học phổ thông $\geq 18đ$. <p>Phương thức 3 (Xét tuyển theo phương thức riêng): Khoa Quốc tế ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh thỏa mãn một trong các tiêu chí sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có học lực xếp loại giỏi 03 học kỳ (HK 1 và 2 của năm lớp 11 và HK 1 năm lớp 12). - Đạt giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi học giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc giải nhất, nhì, ba trong các cuộc thi Khoa học Kỹ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Có học lực xếp loại khá 03 học kỳ (HK 1 và 2 của năm lớp 11 và HK 1 năm lớp 12). Và thỏa mãn một trong hai điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS ≥ 5.5 (hoặc tương đương theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo); chứng chỉ còn thời hạn đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. + Là học sinh lớp 12 chuyên tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung hoặc là học sinh lớp song ngữ có học tiếng Pháp/ tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung của các trường THPT và điểm trung bình 3 học kỳ (2 học kỳ năm lớp 11 và học kỳ I năm lớp 12) môn tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung $\geq 8,0$. - Là người nước ngoài đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (xếp loại học lực đạt loại khá trở lên) và có trình độ tiếng Việt đạt từ Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Đào tạo cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên theo tín chỉ có những mục tiêu cụ thể như sau:</p>

1. Kiến thức

- Có kiến thức căn bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành; Có hiểu biết và nắm rõ lý thuyết về kinh tế tài nguyên - môi trường ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong việc am hiểu cả về các nguyên nhân lẫn tìm ra cách giải quyết bằng chính sách đối với các vấn đề của môi trường và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiện nay, đặc biệt là vấn đề biến đổi khí hậu do con người gây ra.

- Sinh viên còn được trang bị kiến thức bổ sung từ các vấn đề khác như đa dạng sinh học, suy thoái hệ sinh thái và ô nhiễm không khí đến các vấn đề rộng hơn như liên kết giữa môi trường và phát triển kinh tế bền vững, việc ứng dụng các lý thuyết và công cụ của kinh tế tài nguyên - môi trường được cho là cách hữu hiệu duy nhất để cung cấp thông tin và hướng dẫn những người làm chính sách trong việc giải quyết những thách thức về vấn đề tài nguyên và môi trường.

- Có khả năng phân tích kinh tế các giá trị tài nguyên thiên nhiên, các dự án về tài nguyên và môi trường, các chính sách môi trường và quản lý tài nguyên ở các cấp khác nhau, các chính sách thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu;

- Phát triển những kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

2. Kỹ năng

- Trong quá trình đào tạo, sinh viên chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên sẽ được trang bị những kỹ năng cứng như khả năng lập luận, tư duy, phân tích, nghiên cứu và dự báo để thực hiện được các công việc liên quan trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên. Đáp ứng yêu cầu theo điều 27 - Quy chế đào tạo ĐH&CD hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Ngoài ra trong quá trình đào tạo sinh viên chuyên ngành này còn được rèn luyện những kỹ năng mềm như khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu.

- Sinh viên được học tập môi trường năng động với phương châm “học đi đôi với hành”, được đi tham quan các công trình thực tế, hoạt động ngoại khóa phát triển kỹ năng mềm. Sinh viên năm cuối có cơ hội tham gia các dự án và các nghiên cứu khoa học với giảng viên.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực về dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, có sáng kiến trong nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau.

- Sinh viên chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên được rèn luyện với thái độ ham học hỏi, cầu tiến, có ý thức trách nhiệm, luôn làm tròn nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng quy định về thời gian, quy tắc làm việc.

- Sinh viên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên được trang bị kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn cụ thể như: Hoạch định, dự báo, phân tích, quản lý tài nguyên thiên nhiên; Tổ chức thực hiện công việc, phân công trách nhiệm từng thành viên, tiến độ thời gian thực hiện, phối hợp thực hiện giữa các cá nhân cũng như giữa các nhóm; Viết và trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học; Sử dụng thành thạo các phần mềm cho chuyên ngành.

- Nâng cao khả năng sử dụng máy chiếu, máy tính, đọc các bản đồ

		<p>GPS, GIS. Kỹ năng quản lý điều hành các dự án lập kế hoạch thực hiện, kiểm tra tiến độ thực hiện, điều chỉnh kế hoạch khi có thay đổi. Có trình độ ngoại ngữ, giao tiếp với người nước ngoài về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngành kinh tế tài nguyên môi trường.</p> <p>- Tự học tập nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu mới. Có tinh thần xây dựng cải tiến cách thức làm việc để đạt hiệu quả cao hơn và chấp hành quy định của pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan.</p>
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>- Cung cấp đầy đủ chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần</p> <p>- Trang bị đầy đủ hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ học tập theo hệ thống đào tạo tín chỉ</p> <p>- Tặng học bổng khuyến khích học tập sinh viên đạt thành tích tốt trong học tập, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn</p> <p>- Cố vấn học tập hỗ trợ tư vấn các vấn đề về đào tạo và nghề nghiệp cho sinh viên</p> <p>- Kết nối với các công ty doanh nghiệp giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.</p>
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Chương trình đào tạo đại học chính quy
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	<p>+ Công tác trong các cơ quan hoạch định, xây dựng cơ chế, chính sách về tài nguyên, môi trường và phát triển kinh tế của Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành các cấp từ trung ương tới địa phương;</p> <p>+ Công tác trong các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên thiên nhiên và môi trường;</p> <p>+ Công tác trong các ban quản lý, các dự án quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường;</p> <p>+ Công tác trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ tài nguyên thiên nhiên và môi trường;</p> <p>+ Công tác trong các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu khoa học;</p> <p>+ Công tác trong các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế về sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;</p> <p>+ Công tác trong hệ thống các ngân hàng, các tổ chức tài chính, các tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn, định giá và các dịch vụ công liên quan đến tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>+ Có cơ hội tham gia học tập nâng cao trình độ với các chương trình học bổng của Chính phủ các nước hoặc các trường như Chương trình Okayama của Đại học Huế, Chương trình Kinh tế tài nguyên, môi trường và nông nghiệp tại Đại học Helsinki, Phần Lan bằng học bổng của trường, học bổng CIMO, học bổng EU; Chương trình Kinh tế tài nguyên và môi trường tại Đại học Quốc gia Australia bằng Học bổng của AAS, ADB.</p>

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2022

KHOA TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Khánh Linh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế giáo dục đại học năm học 2020-2021

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III								
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI								
7	Khối ngành VII			88					

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

A. Chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				35				Kỳ
Các môn bắt buộc				25				
1	CTR1072	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước</p> <p>(1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	2	30	0	60	1
2	CTR1053	Triết học Mác – Lênin	Nội dung học phần Triết học Mác-Lênin (03 tín chỉ) được cấu trúc thành 3 chương: chương 1 trình bày khái lược về triết học và triết học Mác-Lênin, vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3	45	0	90	1
3	LLCTK T2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam.	2	18	0	60	1
4	LLCTX H2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung chương trình gồm 8 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 8 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.	2	30	0	30	1
5	1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần này gồm 7 chương: Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa	2	30	0	60	2

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của dân, do dân, vì dân; Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người; Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.					
6		Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nội dung học phần gồm có 4 chương: - Chương 1. Một số vấn đề chung về Văn hóa học và Văn hóa Việt Nam - Chương 2. Cấu trúc văn hóa và các thành tố văn hóa - Chương 3. Giao lưu tiếp biến văn hóa nước ngoài - Chương 4. Kết luận.	2	27	3	60	2
7		Lịch sử Tư tưởng chính trị phương Đông và phương Tây	Tư tưởng chính trị phương Đông và phương Tây là một trong những lĩnh vực nghiên cứu triết học tương đối mới ở Việt Nam trong việc khai thác và bổ sung những giá trị tinh túy của các truyền thống triết học khác nhau ở các nước phương Đông và phương Tây, hướng đến việc tổng hợp triết học của nhân loại với tính cách là mục tiêu cao cả nhất của nó. Ở nhiều nước, triết học so sánh Đông - Tây đã nhận được sự quan tâm lớn không chỉ của giới triết học, mà cả giới học giả thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt trong bối cảnh hội nhập văn hóa hiện nay. Đây là không chỉ giúp sinh viên có sự nhận thức đúng đắn trong tư tưởng về chính trị, mà quan trọng hơn còn giáo dục lý tưởng, truyền thống yêu nước, tạo ra những thế hệ sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, biết hành động vì lợi ích của quốc gia, dân tộc.	2	20	10	60	2
8	1510042	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Một trong những kỹ năng thiết yếu mà học viên ngành kinh tế cần có là khả năng phân tích vấn đề và đánh giá cách thức can thiệp để giải quyết vấn đề đó. Các vấn đề được đề cập ở đây là các vấn đề kinh tế. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp sinh viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Cần lưu ý rằng, chúng ta khó có thể xây dựng và cải thiện kỹ năng nghiên cứu khoa học thông qua sách giáo khoa/giáo trình. Quá trình nghiên cứu không đơn thuần là tìm ra “chân lý”, thông thường nhà nghiên cứu đối diện với rất nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách	2	30	0	60	2

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			thức giải quyết vấn đề. Do đó kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.					
9		English A1-1	Với 07 tín chỉ gồm 105 tiết lên lớp và giáo trình sử dụng là BASIC ENGLISH I, nội dung của học phần “Tiếng Anh cơ bản” được chia ra 3 học kỳ, có lồng ghép “Tiếng Anh chuyên ngành” như sau:	4	40	20	180	1
10		English A1-2	HK I(năm I): Unit 1 – Unit 12 (lồng ghép một số câu dịch đơn giản về chuyên ngành) HK II (năm I): Unit 13 – Unit 21 (lồng ghép một số bài đọc ngắn về chuyên ngành) HK III (năm 2): Unit 22 – Unit 30 (lồng ghép một số bài đọc ngắn về chuyên ngành có cấu trúc ngữ pháp và từ vựng nâng cao)	4	40	20	180	
Các môn tự chọn				10				
11	XHH4072	Xã hội học chính trị	Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Các mối quan hệ xã hội thể hiện ở các cấp độ xã hội khác nhau và phản ánh những đặc trưng xã hội về các mặt hoạt động cơ bản của đời sống xã hội như: kinh tế, chính trị văn hóa và xã hội. Xã hội như một tổng thể có cấu trúc xác định và có thể phân tích theo các tiếp cận cấu trúc, chức năng hay hành động xã hội. Sau khi học xong môn xã hội học đại cương, sinh viên có thể hiểu được một cách khái quát về vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội tổng thể. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay..	2	30	0	60	2
12	XHH4292	Phát triển học	Nội dung học phần bao gồm những thông tin cơ bản về khái niệm, nguồn gốc ra đời và bản chất của phát triển, phát triển bền vững, nghèo đói, toàn cầu hóa. Nắm vững và so sánh quan điểm của các trường phái lý thuyết khác nhau về phát triển và các giải pháp cho vấn đề đói nghèo trên toàn cầu của mỗi trường phái lý thuyết. Đồng thời qua đó người học có thể phân tích và ứng dụng vào bối cảnh thực tế của Việt Nam hiện nay. Kết thúc môn học, sinh viên có thể có cách nhìn nhận đa chiều về vấn đề nghèo đói và phát triển trên thế giới hiện nay. Sinh viên cũng	2	30	0	60	2

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			có thể vận dụng kiến thức đã học vào giải thích, phân tích các sự kiện xã hội đang xảy ra trên quy mô toàn cầu cũng như ở Việt Nam.					
13		Lễ tân Ngoại giao	Nội dung môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: - Khái niệm về lễ tân ngoại giao, công tác nghiệp vụ ngoại giao - Lễ Tân ngoại giao: sự ra đời và phát triển: về quan hệ ngoại giao và lãnh sự, kỹ năng về lễ tân đối ngoại bằng Công ước Viên 1961 và 1963 về cơ quan ngoại giao và lãnh sự - Nội dung công tác lễ tân ngoại giao: những quy định trong lễ tân ngoại giao nói chung và Việt Nam nói riêng. Rèn luyện cho sinh viên có được sự tự tin trong giao tiếp, nghiệp vụ lễ tân, trong đó đặc biệt chú trọng giao tiếp với nước ngoài.	2	12	18	90	2
14		Xác suất thống kê	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê. Bên cạnh đó là những kỹ năng xử lý, phương pháp tính toán để giải quyết các bài toán xác suất, thống kê và ứng dụng các kiến thức, kết quả của học phần để giải quyết các bài toán chuyên ngành.	2	28	0	60	3
15	52.IE.005. 2	Kinh tế vĩ mô I	Môn học bao gồm 7 nội dung chính: (i) Khái quát về Kinh tế học; (ii) Cung cầu và Thị trường; (iii) Các số liệu kinh tế quốc dân; (iv) Nền kinh tế trong dài hạn; (v) Tiền tệ và giá cả trong dài hạn; (vi) Kinh tế vĩ mô của các nền kinh tế mở; (vii) Những biến động kinh tế trong ngắn hạn.	2	15	30	60	3
16		Kinh tế vi mô I	Nội dung kiến thức của môn học bao gồm 7 nội dung chính: Tổng quan về kinh tế vi mô, Cung – cầu, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, Lý thuyết doanh nghiệp, Cơ cấu thị trường, Lý thuyết thị trường các yếu tố sản xuất và Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế.	2	30	15	60	3
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH (bắt buộc)				22				
17		Lịch sử quan hệ quốc tế cổ trung đại	Chương 1 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về quan hệ quốc tế ở phương Đông thời cổ đại, tập trung ở các vấn đề liên quan đến các nước Ai Cập, Lưỡng Hà, Ba Tư, Trung Hoa. Chương 2 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về quan hệ quốc tế ở phương Tây thời cổ đại, tập trung ở các vấn đề liên quan đến Hy Lạp và La Mã. Chương 3 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về quan hệ quốc tế ở phương Đông thời trung đại, tập trung ở các vấn đề liên quan đến các đế quốc Ả Rập, Trung Hoa. Chương 4 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về quan hệ quốc tế ở	2	21	9	60	4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			phương Tây thời trung đại, tập trung ở các vấn đề liên quan đến các nước Pháp, Anh, Đế chế La Mã Thần Thánh và Nhà Hapsburg, cũng như vai trò của Vatican và Giáo Hoàng.					
18	LIS4152	Quan hệ quốc tế toàn cầu từ 1945 đến nay	<p>+ Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lịch sử quan hệ quốc tế toàn cầu từ năm 1945 đến nay. Một số vấn đề liên quan đến lịch sử quan hệ quốc tế của Việt Nam (1945 - nay) cũng được trình bày một cách khái quát và hệ thống nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu cái chung và cái riêng, cái phổ quát và cái đặc thù.</p> <p>+ Học phần cũng giới thiệu những kiến thức chung về quan hệ quốc tế, đặc biệt là hệ thống phạm trù cùng các quy luật chủ yếu và phương pháp nghiên cứu nhằm hướng đến giải quyết các nội dung, vấn đề liên quan đến đời sống chính trị toàn cầu, khu vực cũng như quốc gia – dân tộc. Đây cũng là học phần mang tính chất mở cả cho người học và và người dạy, đòi hỏi cả hai phía phải thường xuyên theo dõi, bám sát quá trình vận động , phát triển và mối quan hệ giữa các chủ thể cấu thành nền chính trị thế giới, nghiên cứu, phát hiện vấn đề nhằm kịp thời điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình cũng như yêu cầu đặt ra ngày càng cao của học phần. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người đối với quốc gia- dân tộc, đối với giai cấp và cộng đồng quốc tế, sẵn sàng tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.</p>	2	30	0	90	4
19	ITS 1100	Nhập môn Quan hệ quốc tế: các nền tảng và khái niệm	<ul style="list-style-type: none"> - Chương 1 trình bày các khái niệm cơ bản, quá trình phát triển của môn QHQT, đối tượng và phương pháp nghiên cứu QHQT cũng như một số lý thuyết chủ yếu trong nghiên cứu QHQT - Chương 2 làm rõ các chủ thể của Quan hệ quốc tế và khái niệm quốc gia - Chương 3 làm rõ các chủ thể phi quốc gia trong Quan hệ quốc tế - Chương 4 cung cấp một phân tích về vấn đề quyền lực trong quan hệ quốc tế - Chương 5 phân tích và phân loại các hệ thống quốc tế trong Quan hệ Quốc tế - Chương 6 làm rõ khái niệm ngoại giao, chức năng và nhiệm vụ của nó. - Chương 7 cung cấp một thảo luận học thuật xung quanh vấn đề xung đột và chiến tranh trong quan hệ quốc tế. - Chương 8 phân loại và định nghĩa vấn đề 	2	45	0	90	4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế cũng như cung cấp các lý thuyết liên quan.					
20		Nhập môn Quan hệ quốc tế: Các vấn đề quốc tế đương đại	Nội dung môn học bao gồm những kiến thức sâu rộng về quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại (1945-2000). Một số vấn đề liên quan đến lịch sử kinh tế đối ngoại của Việt Nam (1945 - 2000) cũng được trình bày một cách khái quát và hệ thống... Tất cả nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu cái chung và cái riêng, cái phổ quát và cái đặc thù. Đây cũng là môn học mang tính chất mở cho cả cho người học và người dạy, đòi hỏi cả hai phía phải thường xuyên theo dõi, bám sát quá trình vận động, phát triển và mối quan hệ giữa các chủ thể cấu thành nên nền kinh tế toàn cầu, nghiên cứu, phát hiện vấn đề nhằm kịp thời điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình cũng như yêu cầu đặt ra ngày càng cao của môn học.	2	21	9	60	4
21		Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Học phần nghiên cứu Việt Nam trong mối quan hệ Quốc tế cũng như nghiên cứu về sự hình thành, vận động, phát triển của những mối quan hệ tác động qua lại về chính trị, ngoại giao, kinh tế, an ninh quốc phòng... Giữ Việt nam và các chủ thể cấu thành nên nền chính trị thế giới (các quốc gia có chủ quyền và giai cấp cầm quyền, các phong trào chính trị xã hội, các tổ chức quốc tế và khu vực...) trong giai đoạn xác định.	2	20	8	2	3
22	LKT2213	Công pháp quốc tế	Những nội dung chính của học phần: Giới thiệu hệ thống luật quốc tế (khái niệm, đặc điểm, vai trò, mối quan hệ của luật quốc tế với luật quốc gia); Những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Chủ thể luật quốc tế; Điều ước quốc tế; Dân cư trong luật quốc tế; Luật ngoại giao, lãnh sự; Luật biển quốc tế; Giải quyết tranh chấp quốc tế.	3	45	0	60	3
23		Tư pháp quốc tế	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Lý luận cơ bản về TPQT với tư cách là một bộ môn khoa học pháp lý và một lĩnh vực pháp luật đặc thù trong hệ thống Pháp luật quốc gia; Vấn đề xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài; nguyên tắc cũng như các quy định thực định của Pháp luật Việt Nam về giải quyết xung đột pháp luật trong các lĩnh vực: năng lực pháp luật của cá nhân, pháp nhân; sở hữu; hợp đồng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; thừa kế; hôn nhân và gia đình; lao động; Nguyên tắc và các quy định thực chất của Pháp luật Việt Nam điều chỉnh trực tiếp các quan hệ có tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài.	3	45	0	90	4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
24		English A2-1	Đề đạt được các mục tiêu chung và cụ thể như đã nêu ở trên, trong học phần này sinh viên phải hoàn thành 6 bài (6 units) trong giáo trình LIFE A1-A2 cuốn 2 (Elementary: Unit 1 - Unit 6).	4	40	20	120	3
25		English A2-2	Đề đạt được các mục tiêu chung và cụ thể như đã nêu ở trên, trong học phần này sinh viên phải hoàn thành 6 bài (6 units) trong giáo trình LIFE cuốn 2 (Elementary: Unit 7 - Unit 12).	4	40	20	120	4
25	17D130 1060603	Kinh tế quốc tế	Có tất cả 9 bài giảng, một số bài nghiên cứu tình huống chính sách sẽ được thuyết trình và thảo luận trên lớp nhằm giúp sinh viên nắm vững lý thuyết các vấn đề được học. Các bài giảng được thiết kế dựa trên 4 phần chính: (1) Lý thuyết về mậu dịch quốc tế; (2) Chính sách mậu dịch quốc tế; (3) Các định chế kinh tế có tính chất quốc tế; (4) Tài chính quốc tế. Ở mỗi phần học là các chủ đề nghiên cứu khác nhau nhằm giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề về kinh tế học quốc tế.	2	24	21	90	3
Giáo dục thể chất			Tự tích lũy và nộp chứng chỉ					
Giáo dục quốc phòng – an ninh			Tự tích lũy và nộp chứng chỉ					
CHUYÊN NGÀNH (chọn 1 trong 4 chuyên ngành)				18				
Chính trị Ngoại giao				18				
26		Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ	Môn học Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ giới thiệu một cách khái quát về những đặc tính chung, cách thức vận hành và những luận điểm và khái niệm cơ bản mang tính lý thuyết phục vụ nghiên cứu chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Môn học sẽ giúp sinh viên có cái nhìn hệ thống những kiến thức về các thể chế chính trị và các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, qua đó có thể tự đưa ra nhận định bản thân trong nghiên cứu về các chính sách đối ngoại Hoa Kỳ.	2	30	0	29	3
27		Quyền con người	Chương 1 nhằm cung cấp khái niệm và các loại hình quyền con người cũng như các đặc trưng và tính chất của quyền con người. Chương 2 trình bày sự phát triển của các tư tưởng về nhân quyền trong lịch sử thông qua các tập hợp một số thông luật quốc gia và điều ước quốc tế. Chương 3 nhằm phân tích chức năng và thẩm quyền của các cơ quan bảo vệ quyền con người ở tầm quốc tế và khu vực. Chương 4 cung cấp một phân tích về vấn đề quyền con người trong Hiến pháp Việt Nam, với trọng tâm là Hiến pháp 2013.	2	21	9	60	4
28		Chủ nghĩa tư bản hiện đại	Nội dung học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình phát sinh, phát triển, cũng như đặc điểm, tiềm năng, giới hạn, mâu thuẫn và triển vọng lịch sử vận động của hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa trong lịch sử. Mặt khác,	2	20	8	2	4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			học phần cũng cung cấp những thông tin cần thiết về thực trạng kinh tế, xã hội, chính sách đối ngoại của những nước tư bản phát triển được xem là hình mẫu cho chủ nghĩa tư bản hiện đại.					
29		Toàn cầu hóa	Sau khi hoàn tất khóa học, sinh viên sẽ có khả năng hiểu các khía cạnh khác nhau trong cuộc tranh luận về “Toàn cầu hóa” hiện nay. Xem xét các đánh giá về tác động của “Toàn cầu hóa” đối với các quốc gia ở các trình độ phát triển khác nhau dưới góc nhìn của các học giả, các nhà hoạch định chính sách và các nguồn khác. Nội dung trọng tâm của môn học sẽ xoay quanh mối liên hệ của các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, cũng như tìm lời giải đáp cho những vấn đề phát sinh trong quá trình toàn cầu hóa. Do được dành cho sinh viên Quan hệ quốc tế, nên môn học hướng đến các tác động của Toàn cầu hóa đến trật tự thế giới và các yếu tố cấu thành của trật tự này: nhà nước, xã hội, các tổ chức quốc tế và các nhân tố kinh tế. Ngoài ra, môn học cũng tạo thuận lợi hơn cho sinh viên trong việc học tập các môn chuyên ngành.	2	30	0	0	4
30		Chính sách đối ngoại của Nhật Bản	Cung cấp một số vấn đề lý thuyết cơ bản về chính sách đối ngoại như: khái niệm, mục tiêu, lý thuyết về phân tích chính sách đối ngoại, quá trình hoạch định và điều chỉnh chính sách đối ngoại... Môn học trang bị cho sinh viên một số vấn đề cốt lõi về những cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc thực thi chính sách đối ngoại của Nhật Bản qua các thời kỳ cụ thể. Từ đó, thấy được những điều chỉnh mang tính chất chiến lược có ảnh hưởng đến lợi ích dân tộc và vận mệnh của Nhật Bản trong tiến trình lịch sử.	2	30	0	60	4
31	QTH3162	ASEAN	Học phần ASEAN giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN. Đồng thời, môn học cũng giới thiệu các vấn đề đối nội và đối ngoại đương đại mà cộng đồng ASEAN đang đối mặt trong quá trình phát triển. Sinh viên sẽ tiến hành nghiên cứu bài báo, thảo luận trên lớp và trình bày bằng tiếng Anh các nội dung yêu cầu, qua đó có thể tự đưa ra nhận định bản thân trong nghiên cứu và dự báo về sự phát triển của cộng đồng ASEAN. Phần thứ nhất giới thiệu bối cảnh khu vực và quốc tế của sự ra đời của ASEAN. Phần thứ hai giới thiệu về những vấn đề đối nội mà ASEAN đang phải đối mặt trong bối cảnh toàn cầu hóa. Phần thứ ba giới thiệu các vấn đề đối ngoại mà ASEAN đang phải đối mặt đầu thế kỷ XXI. Phần thứ tư là phần ngoại khóa bao gồm các buổi chiếu phim về cộng đồng ASEAN và chia sẻ về các chủ đề liên quan đến vai trò thanh niên sinh viên trong ASEAN. Bước	2	30	18	42	5

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			đầu giúp sinh viên có thể tự đánh giá và ý thức được các vấn đề thực tế của cộng đồng ASEAN và vai trò của thanh niên trong giải quyết các vấn đề đó.					
32		An ninh - xung đột quốc tế	Tác động từ xung đột sắc tộc, tôn giáo đến củng cố độc lập dân tộc của quốc gia đang phát triển trong hội nhập quốc tế luôn gây ảnh hưởng tiêu cực đến độc lập dân tộc của quốc gia đang phát triển và quá trình củng cố độc lập dân tộc của họ trong hội nhập quốc tế. Sự tác động này phụ thuộc vào nhiều yếu tố: mức độ, tính chất của những xung đột sắc tộc, tôn giáo; việc giải quyết những xung đột sắc tộc, tôn giáo của chính phủ; sự lợi dụng và tác động của các thế lực bên ngoài.. Do đó, môn học này nhằm giúp sinh viên hiểu cách bảo vệ, củng cố độc lập dân tộc thông qua giải quyết xung đột sắc tộc, tôn giáo của các nước đang phát triển là thực hiện tổng thể các giải pháp nhằm giải quyết đúng đắn vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo, tạo điều kiện và sức mạnh để bảo vệ, củng cố độc lập dân tộc; không để xung đột sắc tộc, tôn giáo làm phương hại đến độc lập dân tộc, đưa đất nước tiếp tục phát triển.	2	24	21	90	5
33	INR	Chính sách đối ngoại của Trung Quốc Thế Kỷ XXI	Môn học cung cấp kiến thức về những thay đổi trong chính sách đối nội và đối ngoại mà đã đem lại sự phát triển vượt bậc của Trung Quốc kể từ khi bắt đầu cải cách năm 1978 đến nay. Môn học phân tích hiện tượng nổi lên của Trung Quốc cả về phương diện chính trị, kinh tế và văn hoá, cả trên cấp độ quốc gia, khu vực lẫn toàn cầu. Bên cạnh đó, các vấn đề Trung Quốc đang phải đối mặt cũng được đề cập. Đồng thời, môn học cũng phân tích những tác động của sự trỗi dậy của Trung Quốc đối với thế giới và khu vực nói chung, đối với Việt Nam nói riêng.	3	45	0	90	5
34		Địa chính trị và địa chiến lược	Nắm vững được những khái niệm, định nghĩa về địa chính trị, nguồn gốc, lịch sử hình thành địa chính trị trên thế giới. Xác định được bối cảnh lịch sử của Địa Chính trị giai đoạn thế kỷ XX và những biến đổi trong hệ thống địa chính trị thế giới. Xác định được những biến động Địa chính trị ở những khu vực này và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam và thế giới.	2	30	0	90	5
35		Một số vấn đề về quan hệ quốc tế khu vực Châu Á- Thái Bình Dương	Chương 1: Chương này tập trung giới thiệu những vấn đề có tính chất phương pháp và phương pháp luận như khái niệm khu vực, làm thế nào để xác định một khu vực và một số lý thuyết cơ bản áp dụng nghiên cứu khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Chương 2, 3, 4 và 5: Với cách tiếp cận quốc gia là chủ thể chính, nội dung các chương này tập trung vào phân tích chính sách Châu Á-Thái Bình Dương của bốn cường quốc là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Liên Bang Nga.	2	21	9	60	1

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			Chương 6 và 7: Lấy cách tiếp cận đa phương và khu vực học làm chính, hai chương này tập trung phân tích những thách thức, cơ hội và triển vọng của an ninh khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Chương 8: Phân tích chính sách châu Á-Thái Bình Dương của Việt Nam với tư cách là một quốc gia trong khu vực và có vị trí, vai trò ngày càng quan trọng.					
Kinh tế quốc tế				18				
36		Tiền tệ quốc tế và thanh toán quốc tế	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức về: hệ thống tiền tệ quốc tế và các tổ chức tài chính – tiền tệ quốc tế, tỷ giá hối đoái, nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối và thị trường tài chính quốc tế, phương thức phát hành, lưu hành các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế; các phương tiện thanh toán quốc tế cũng như các phương thức thanh toán quốc tế, các điều kiện thanh toán quốc tế trong ngoại thương.	3	40	5	90	5
37		Quản lý dự án đầu tư	Môn học Quản lý dự án đầu tư là một môn khoa học kinh tế nghiên cứu các phương pháp luận về công tác quản lý các hoạt động đầu tư. Trên cơ sở nắm rõ tổng quan về dự án, môn học nghiên cứu các vấn đề về đối tượng và nội dung quản lý dự án, nghiên cứu các hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, các phương pháp điều phối và quản lý quá trình thực hiện dự án nói chung và từng công việc của dự án nói riêng. Đây nhanh tiến độ thực hiện dự án; nghiên cứu phương pháp tiết kiệm tránh lãng phí trong huy động các nguồn lực thực hiện dự án; xây dựng các mục tiêu quản lý dự án có hiệu quả...	2	19	11	60	5
38		Phân tích và thẩm định dự án đầu tư	Môn học “Phân tích & Thẩm định dự án đầu tư” trang bị những quy định về thẩm định của các cơ quan thẩm quyền và công tác thẩm định, kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức thẩm định dự án, các nội dung thẩm định để đánh giá hiệu quả dự án. Nhờ nắm được các nguyên tắc và tiêu chuẩn thẩm định giúp cho người lập dự án thiết kế những nội dung của báo cáo khả thi phù hợp với nội dung yêu cầu thẩm định. Quá trình phát triển của Việt Nam theo hướng đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đòi hỏi việc triển khai ngày càng nhiều dự án đầu tư phát triển, với nguồn vốn trong và ngoài nước, thuộc mọi thành phần kinh tế; đã và đang góp phần to lớn vào sự tăng trưởng đầy ấn tượng của nền kinh tế nước ta trong quá trình đổi mới. Phân tích và thẩm định dự án hiệu quả sẽ giúp sàng lọc những dự án xấu và lựa chọn những dự án tốt để công cuộc	2	17	13	60	5

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			đầu tư mang lại hiệu quả cao.					
39		Kinh tế Việt Nam từ đổi mới	Học phần giới thiệu đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa nghiên cứu kinh tế. Giới thiệu kinh tế Việt Nam từ khi đổi mới theo tiến trình thời gian; phân tích thực trạng nền kinh tế, rút ra những đặc điểm và quy luật phát triển của nền kinh tế Việt Nam.	2	20	10	60	5
40		Kế toán đại cương	Môn học đại cương là môn học cơ sở của chuyên ngành kế toán và là môn hỗ trợ cho môn học chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Kinh tế và Luật. Bản chất, đối tượng của hạch toán kế toán, nghiên cứu tài sản, nguồn hình thành tài sản và quá trình vận động của tài sản thông qua hệ thống các phương pháp khoa học : phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối.	2	30	0	60	4
41		Một số vấn đề về các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia	Chương 1 nhằm cung cấp các kiến thức nền về các tập đoàn và công ty đa quốc gia, cùng với cơ cấu tổ chức và nghiệp vụ chuyển giao nội bộ. Chương 2 nhằm cung cấp các kiến thức nền về các tập đoàn và công ty xuyên quốc gia. Chương 3 giới thiệu vai trò của các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới nhìn 4 khía cạnh chính yếu: thúc đẩy phát triển thương mại thế giới, thúc đẩy đầu tư quốc tế, chuyển giao và phát triển công nghệ, và tạo việc làm và phát triển nhân lực. Chương 4 trình bày tác động chính trị của các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia. Chương 5 phân tích các đặc điểm, tác động của công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia tại Việt Nam.	2	20	25	90	3
42		Toán Kinh tế	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải tích, xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy hoạch tuyến tính. Bên cạnh đó là những kỹ năng ứng dụng các kiến thức toán học đã được trang bị trong việc mô hình và giải quyết các bài toán kinh tế cơ bản.	2	17	13	60	4
43		Kinh tế vi mô II	Nội dung chủ yếu của học phần này là giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Cụ thể, học viên sẽ được giới thiệu những nguyên lý cơ bản về cung cầu, hành vi người tiêu dùng, hành vi người sản xuất, cấu trúc thị trường, cũng như các nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vi mô và sự can thiệp của chính phủ vào thị trường.	4	45	0	90	6
44	IE.003.2	Kinh tế vĩ mô II	Nội dung kiến thức của môn học bao gồm 7 nội dung chính: Tổng quan về kinh tế vi mô, Cung – cầu, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, Lý thuyết doanh nghiệp, Cơ cấu thị trường, Lý thuyết thị trường các yếu tố sản xuất và Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế.	2	15	30	60	3
Luật quốc tế				18				

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
45	LKT103 023	Pháp luật sở hữu trí tuệ	Trong hội nhập quốc tế hiện nay đặc biệt khi Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) thì sở hữu trí tuệ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Học phần Pháp Luật Sở hữu trí tuệ cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng bao gồm: những nội dung khái quát về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng và các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Học phần giúp cho người học bước đầu có khả năng xử lý các tình huống liên quan đến sở hữu trí tuệ đang xảy ra trong thực tế. Học phần giúp người học tiếp cận và nghiên cứu các bản án về tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ.	2	27	18	90	3
46		Luật thương mại I (kinh doanh)	Nội dung bao gồm 9 chương với 9 vấn đề như sau: Vấn đề 1: Giới thiệu đề cương môn học, gồm những thông tin về môn học như: Số tín chỉ; đội ngũ giảng viên của bộ môn; mục tiêu chung, mục tiêu chi tiết của môn học; hình thức tổ chức dạy- học; vấn đề kiểm tra, đánh giá. Vấn đề 2: Doanh nghiệp tư nhân. Vấn đề 3. Công ty hợp danh. Vấn đề 4: Công ty trách nhiệm hữu hạn. Vấn đề 5: Công ty cổ phần. Vấn đề 6: Doanh nghiệp nhà nước. Vấn đề 7. Một số vấn đề pháp lý về nhóm công ty. Vấn đề 8: Quy chế pháp lý về thành lập doanh nghiệp. Vấn đề 9. Quy chế pháp lý về tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp.	2	30	15	90	4
47	LUA102 041	Luật thương mại quốc tế	Chương trình học phần Luật thương mại quốc tế bao gồm những vấn đề chính sau đây. Thứ nhất, khái quát về Luật thương mại quốc tế, trong đó chủ yếu giới thiệu về các học thuyết thương mại quốc tế, các xu hướng của hoạt động thương mại quốc tế và nguồn của LTMQT. Thứ hai, giới thiệu một số liên kết kinh tế quốc tế tiêu biểu trong hoạt động thương mại quốc tế, chẳng hạn như Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, EU và WTO. Thứ ba, hợp đồng thương mại quốc tế. Cụ thể là Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, trong đó tập trung vào các điều khoản của Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hoá quốc tế và Nguyên tắc UNDRUIT về hợp đồng thương mại quốc tế liên quan đến quyền, nghĩa vụ của các bên hợp đồng; căn cứ miễn trách và trách nhiệm của các bên về việc vi phạm hợp đồng. Và cuối cùng, giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế thông qua các phương thức giải quyết liên quan đến hợp đồng (ADR, trọng tài, toà án) và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp liên quan đến chính sách thương mại giữa các thành viên WTO.	3	30	15	90	5

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
48		Lịch sử pháp luật thế giới	Chương 1 nhằm cung cấp các nền tảng lý luận về Pháp luật. Chương 2 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về pháp luật ở phương Tây và phương Đông thời cổ đại. Chương 3 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về pháp luật ở phương Tây và phương Đông thời trung đại. Chương 4 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về pháp luật của các nền dân chủ tư sản. Chương 5 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về pháp luật của các nước xã hội chủ nghĩa.	3	24	5	1	5
49	LUA102041	Pháp luật về phòng vệ thương mại	Chương trình học phần Luật thương mại quốc tế bao gồm những vấn đề chính sau đây. Thứ nhất, khái quát về Luật thương mại quốc tế, trong đó chủ yếu giới thiệu về các học thuyết thương mại quốc tế, các xu hướng của hoạt động thương mại quốc tế và nguồn của LTMQT. Thứ hai, giới thiệu một số liên kết kinh tế quốc tế tiêu biểu trong hoạt động thương mại quốc tế, chẳng hạn như Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, EU và WTO. Thứ ba, hợp đồng thương mại quốc tế. Cụ thể là Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, trong đó tập trung vào các điều khoản của Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hoá quốc tế và Nguyên tắc UNDRUIT về hợp đồng thương mại quốc tế liên quan đến quyền, nghĩa vụ của các bên hợp đồng; căn cứ miễn trách và trách nhiệm của các bên về việc vi phạm hợp đồng. Và cuối cùng, giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế thông qua các phương thức giải quyết liên quan đến hợp đồng (ADR, trọng tài, toà án) và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp liên quan đến chính sách thương mại giữa các thành viên WTO.	2	18	12	58	3
50		Luật dân sự Việt Nam	Môn học Luật Dân sự được thiết kế gồm 8 chương, cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng lý luận về khái niệm Luật Dân sự, các nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự, chủ thể của quan hệ pháp luật Dân sự, tài sản và quyền sở hữu và thừa kế. Môn học Luật Dân sự rèn luyện cho người học các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng tra cứu văn bản; kỹ năng nhận diện và giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu, thừa kế; kỹ năng phân tích, đánh giá; kỹ năng phát biểu và trình bày quan điểm cá nhân về các vấn đề pháp lý liên quan. Những quy định chung về hợp đồng và một số hợp đồng thông dụng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể. Môn học Luật Dân sự là nền tảng để tiếp cận các môn học khác như: Luật Hôn nhân và gia đình, Luật thương mại, Luật Tố tụng dân sự.	2	30	11	60	4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
51		Cơ quan tài phán quốc gia và quốc tế	<p>Nội dung bao gồm các chương chính như sau:</p> <p>Chương 1: Lý luận chung về luật quốc tế</p> <p>Chương 2: Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế</p> <p>Chương 3: Chủ thể của luật quốc tế (quốc gia trong LQT)</p> <p>Chương 5: Lãnh thổ và biên giới quốc gia trong luật quốc tế</p> <p>Chương 6: Dân cư trong luật quốc tế</p> <p>Chương 8: Lý luận chung về tranh chấp quốc tế</p>	2	21	9	60	4
52		Luật biển	<p>Sinh viên nắm được các nội dung chủ yếu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về Luật Biển quốc tế - Quá trình hình thành và phát triển Luật Biển quốc tế - Nguyên tắc của Luật Biển quốc tế - Nguồn của Luật Biển quốc tế - Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia - Biển quốc tế và vùng - Phân định biển, khai thác chung và giải quyết tranh chấp biển 	2	21	9	60	1
53		Pháp luật về cạnh tranh	<p>Nội dung gồm 6 chương như sau:</p> <p>Phần thứ nhất: Pháp luật về cạnh tranh</p> <p>Chương I: Những vấn đề chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh</p> <p>Chương II: Pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh</p> <p>Chương III: Pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh</p> <p>Chương IV: Cơ quan quản lý cạnh tranh</p> <p>Phần thứ hai: Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại</p> <p>Chương V: Tranh chấp thương mại và các phương pháp giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án</p> <p>Chương VI: Tố tụng trọng tài thương mại tại Việt Nam</p>	2	20	25	90	4
54		Pháp luật về hợp đồng lao động	<p>Học phần đề cập tới những nội dung cơ bản, quan trọng về lý luận chung về pháp luật lao động trong đó chủ yếu đề cập tới những vấn đề: Hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội... Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể: Nắm, hiểu được những vấn đề cơ bản về pháp luật lao động. Như việc thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; một số vấn đề pháp lý về tiền lương; thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; an toàn lao động và vệ sinh lao động; các hình thức kỷ luật lao động; các căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất, mức bồi</p>	2	21	9	60	1

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			thường và cách thức bồi thường thiệt hại; tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động; khái niệm đình công, dấu hiệu cơ bản của đình công và thủ tục giải quyết các cuộc đình công.					
Quan hệ công chúng				18				
55	MAR3032	Nhập môn Quan hệ công chúng	Học phần gồm 5 chương. Chương 1 giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển của ngành QHCC trên thế giới và tại Việt Nam, những khái niệm liên quan đến thuật ngữ QHCC, Vị trí vai trò và nhiệm vụ của QHCC, Các hoạt động chủ yếu của QHCC, Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa PR với Quảng cáo và Marketing, đối tượng công chúng của hoạt động QHCC. Chương 2 giới thiệu tiến trình thực hiện hoạt động QHCC, Phân tích những đặc điểm cơ bản và những vấn đề cần lưu ý trong việc thực hiện các bước của tiến trình RACE: nghiên cứu (Research), Phân tích và lên kế hoạch (Analysis and Planning), Thực thi chương trình truyền thông (Communication), Đánh giá (Evaluation). Chương 3 giới thiệu khái niệm, vai trò, một số hoạt động QHCC thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng và những điều cần lưu ý khi làm việc với giới truyền thông, trình bày khái niệm, vai trò, nguyên tắc và tiến trình tổ chức sự kiện, Xác định các loại tài liệu quan hệ công chúng cơ bản được sử dụng trong PR, Hướng dẫn một số hoạt động giao tiếp cá nhân. Chương 4 trình bày và thảo luận một số Case study-QHCC ứng dụng trong doanh nghiệp (Corporate Social Responsibility), QHCC ứng dụng trong du lịch dịch vụ, QHCC ứng dụng trong các tổ chức phi chính phủ và các nhóm cộng đồng. Chương 5 trình bày những nội dung cơ bản về hai kỹ năng tiên quyết đối với những người làm nghề QHCC là kỹ năng viết và kỹ năng thuyết trình. Giới thiệu các dạng thức viết của hoạt động QHCC, mô hình kỹ năng viết cơ bản của QHCC, Các giai đoạn của thuyết trình và những điểm cần lưu ý để thuyết trình thành công.	2	20	10		2
56		Truyền thông doanh nghiệp	Giúp sinh viên nắm các nội dung về: <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc cơ bản về truyền thông, - Xây dựng chiến lược truyền thông mạng xã hội, - Xây dựng thương hiệu qua truyền thông mạng xã hội, - Nguyên tắc xử lý khủng hoảng truyền thông, - Kinh nghiệm xử lý khủng hoảng truyền thông, - Nguyên lý áp dụng truyền thông xã hội 	2	20	25	90	3

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			trong dịch vụ khách hàng.					
57		Cơ sở lý luận báo chí	Cung cấp kiến thức cơ bản và hệ thống về cơ sở lý luận báo chí, như khái niệm và đặc điểm báo chí, bản chất hoạt động báo chí, đối tượng, công chúng và cơ chế tác động của báo chí, các chức năng và nguyên tắc cơ bản của hoạt động báo chí, chủ thể hoạt động báo chí, vấn đề tự do báo chí,...	2	26	4	60	3
58		Xử lý khủng hoảng	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản lý khủng hoảng, bao gồm các loại khủng hoảng, nguyên nhân khủng hoảng, cách phòng tránh và xử lý khi khủng hoảng xảy ra. Trên cơ sở nắm bắt lý thuyết, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp để lên kế hoạch xử lý khủng hoảng, giúp sinh viên có khả năng phân tích và đề ra chiến lược thực hiện các bước xử lý khủng hoảng trong thực tế.	2	20	10		5
59		Quản trị sự kiện và tiếp thị sự kiện	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về sự kiện và việc tổ chức một sự kiện, các quy trình chung của việc quản lý sự kiện, nghiên cứu các cách thức để tiếp thị sự kiện đó một cách khoa học và hiệu quả đến đối tượng công chúng mà tùy đặc thù mỗi loại sự kiện xây dựng nên, hoạch định và xử lý các tình huống phát sinh trong một sự kiện.	2	30			4
60		Tâm lý học truyền – báo chí	Chương 1. Tâm lý học ứng dụng trong nghề báo Chương 2. Tâm lý tiếp nhận sản phẩm báo chí của công chúng Chương 3. Giao tiếp báo chí Chương 4. Tâm lý sáng tạo của người làm báo	2	20	25	90	4
61		Thương hiệu và quảng cáo	Giúp người học nắm vững kiến thức về thương hiệu và quảng cáo; Nhận diện thương hiệu và quảng cáo, giúp có kiến thức cơ bản để vận dụng thực hiện thương hiệu doanh nghiệp và sản phẩm quảng cáo. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng để xây dựng thương hiệu doanh nghiệp và cơ quan, sản phẩm. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng để sản xuất các sản phẩm quảng cáo. Nội dung học phần gồm 7 chương.	2	10	20		2
62		Truyền thông trực tuyến	Giúp người học nắm vững kiến thức về truyền thông và truyền thông trực tuyến; Vận dụng các kỹ năng vào quá trình xây dựng nội dung và hình thức các sản phẩm truyền thông trực tuyến; Áp dụng các phương thức truyền thông trực tuyến cho từng ngành nghề cụ thể. Nội dung gồm có 3 chương.	2	10	20		4
63		Kỹ năng viết báo in	Giúp cho sinh viên nắm được những thao tác và kỹ năng để thực hiện sáng tạo tác phẩm báo chí cho loại hình báo in. Chú trọng đến	2	30			2

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			việc thực hiện làm nghề để tạo ra những sản phẩm báo chí hoàn chỉnh. Cung cấp các kỹ năng thực hành sáng tạo tác phẩm báo in, nghiệp vụ làm báo, những nguyên tắc trong khi làm báo và hoạt động tác nghiệp báo chí.					
64		Kỹ năng viết báo mạng	Giúp người học nắm vững kiến thức về báo mạng điện tử; Vận dụng các kiến thức và kỹ năng để xây dựng tác phẩm báo mạng điện tử; Áp dụng các phương thức thông tin trực tuyến qua các sản phẩm báo mạng điện tử. Thực hiện một phóng sự trên báo chí như báo in. Nội dung gồm 3 chương.	2	10	20		5
65		Quay phim	Đây là một trong các kỹ năng về truyền thông trong kinh doanh. Nó cung cấp cho sinh viên hiểu về bố cục nhiếp ảnh; cung cấp cho các bạn những kiến thức cơ bản về bố cục trong không gian 2 chiều. Nguyên tắc phân bố hình ảnh trong mặt phẳng hình vuông hoặc hình chữ nhật. Làm sao để cắt đặt, phối bố nhân vật, bối cảnh phù hợp. Sử dụng linh hoạt về các tỉ lệ vàng, bố cục không gian. Làm sao làm nổi bật chủ thể, tạo nên sự linh hoạt uyển chuyển. Sử dụng các kiến thức về đường, điểm, lưới, tư thế, phong để tạo nên hiệu quả tối đa.	2	20	25	90	4
KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ (bắt buộc)				14				
66		Phương pháp nghiên cứu định lượng	<p>Khi hoàn tất môn học, học viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được công việc thu thập thông tin, thiết kế một cuộc điều tra. - Đọc và hiểu số liệu. - Hiểu được các nền tảng thống kê về phân tích hồi và dự báo. - Tiến hành lập mô hình hồi qui dựa trên các dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu kinh tế, sử dụng chương trình bảng tính, ví dụ như EXCEL hay SPSS, Stata. - Đánh giá, nhận xét những bảng báo cáo dựa trên các phân tích thực nghiệm. 	2	21	9	60	3
67		Phương pháp nghiên cứu định tính	Nội dung học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về nghiên cứu, xử lý và phân định tính trong nghiên cứu xã hội. Nội dung học phần bao gồm ba phần: (1) Phần thứ nhất khái quát về khái niệm nghiên cứu định tính và các tiến trình trong nghiên cứu định tính; (2) Phần thứ hai khái quát về các phương pháp thu thập thông tin định tính. Ngoài ra phần này tập trung giới thiệu khái niệm, đặc điểm và loại hình của dữ liệu định tính; (3) Phần thứ ba cung cấp các kiến thức và kỹ năng về xử lý và phân tích thông tin định tính trong khoa học xã hội.	2	13	17	90	3
68		Phương pháp nghiên cứu lịch sử ngoại giao	Chương 1 nhằm cung cấp các định nghĩa về ngoại giao cũng như một tổng quan về vị trí của nghiên cứu lịch sử ngoại giao trong tư cách là một phân ngành của khoa học lịch	2	26	4	60	5

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			sử. Chương 2 nhằm cung cấp các nền tảng kiến thức về các tranh luận học thuật chính yếu giữa các trường phái nghiên cứu cùng với các đại biểu. Chương 3 tập trung làm rõ các phương pháp nghiên cứu chính yếu của nghiên cứu lịch sử ngoại giao như phương pháp sử học, phương pháp chính trị học cũng như các phương pháp định tính và định lượng bổ trợ.					
69		Văn hóa giao tiếp và giao tiếp xuyên văn hóa	Khái niệm và một số lý thuyết về văn hóa; Khái niệm và các yếu tố nền tảng của giao tiếp; Văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp xuyên văn hóa và những rào cản. Kỹ năng để thích ứng, giải quyết xung đột văn hóa linh hoạt và giao tiếp xuyên văn hóa thành công.	2	15	16	90	5
70		Báo chí và thông tin đối ngoại	Giới thiệu các khái niệm cơ bản về thông tin báo chí, thông tin đối ngoại và vai trò, nhiệm vụ của báo chí trong công tác thông tin quốc tế đối ngoại trong bối cảnh hiện nay. Ngoài ra, học phần nêu, phân tích và đánh giá thực trạng của loại hình báo chí tại Việt Nam trong công tác thông tin đối ngoại. Từ đó, đưa ra các giải pháp để nâng cao công tác tin đối ngoại của báo chí Việt Nam hiện nay.	2	30			4
71		Hợp đồng thương mại quốc tế	Chương 1: Khái quát hợp đồng thương mại quốc tế Chương 2: Ký kết và điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế Chương 3: Các biện pháp chế tài do phạm vi hợp đồng thương mại quốc tế Chương 4: Thanh toán quốc tế Chương 5: Giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế Chương 6: Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế Chương 7: Trung gian trong thương mại quốc tế Chương 8: Hợp đồng nhượng quyền thương mại quốc tế Chương 9: Tài trợ xuất nhập khẩu Chương 10: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa.	2	21	9	60	3
72		Nguyên lý Marketing	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và sự vận dụng những này vào thực tiễn, bao gồm: Bối cảnh mới của marketing, môi trường marketing, hành vi người tiêu dùng, định vị thương hiệu, chính sách marketing mix...	2	18	12		4
ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH				25				
73		English B1-1	Nắm được các kiến thức tiếng Anh cơ bản bậc 3/6 (B1), bao gồm kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng thực hành tiếng Anh. Để đạt được các mục tiêu chung và cụ thể như đã nêu ở trên, trong học phần này sinh viên phải hoàn thành 6 bài (6 units) trong giáo trình LIFE cuốn A2-B1 (Unit 1 - Unit 6).	3	45		135	3
74		English B1-2	Giúp sinh viên đạt chuẩn bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt nam ban hành (tương đương cấp độ B1 của khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu). Để đạt	3	45		135	4

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			được các mục tiêu chung và cụ thể như đã nêu ở trên, trong học phần này sinh viên phải hoàn thành 6 bài (6 units) trong giáo trình LIFE A2-B1 cuốn 3 (Pre-intermediate: Unit 7 - Unit 12).					
75		English B2-1	Học phần này nhằm giúp người học đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh bậc 4/6 (B2.1) theo Khung Năng lực Ngoại ngữ dành cho người Việt Nam do Bộ GDĐT Việt Nam ban hành. Để đạt được các mục tiêu chung và cụ thể như đã nêu ở trên, trong học phần này sinh viên phải hoàn thành 6 bài (6 units) trong giáo trình LIFE cuốn Intermediate (Unit 1 - Unit 6).	3	45		135	4
76		English B2-2	Giúp sinh viên đạt chuẩn bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt nam ban hành (tương đương cấp độ B2 của khung năng lực ngoại ngữ Châu Âu). Để đạt được các mục tiêu chung và cụ thể như đã nêu ở trên, trong học phần này sinh viên phải hoàn thành 6 bài (7-12 units) trong giáo trình LIFE- Intermediate cuốn B2 (Unit 7 - Unit 12).	3	45		135	5
77		Thuyết trình tiếng Anh	<p>Trong học phần này người học được cung cấp các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và các bước tiến hành một bài diễn thuyết bao gồm phân tích người nghe, địa điểm nói, chọn đề tài và lập dàn ý, tìm kiếm, thu thập dữ liệu, viết bài nói, chuẩn bị các hình ảnh trực quan, luyện tập và thuyết trình, trả lời câu hỏi của thính giả. Người học sẽ được luyện tập các kỹ năng trình bày như ngữ điệu, ngắt giọng, nhấn âm, cử chỉ, điệu bộ, các thao tác với hình ảnh hỗ trợ...</p> <p>Kỹ năng được đánh giá theo bậc 5 trong Khung ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. Sinh viên được đánh giá khả năng diễn thuyết trước khán giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Có thể diễn thuyết một cách rõ ràng với bố cục hợp lý về một chủ đề phức tạp, mở rộng và củng cố quan điểm của bản thân bằng những lập luận và ví dụ minh họa phù hợp * Có thể sử dụng tốt các câu cảm thán, có thể trả lời một cách tự nhiên và dễ dàng * Có thể sử dụng một cách tự nhiên các yếu tố phi ngôn ngữ để hỗ trợ bài diễn thuyết 	3	24	21		5
78		Tiếng Anh chuyên ngành QHQT I	Chương 1 nhằm cung cấp một giới thiệu tổng quan ngắn gọn bằng tiếng Anh về chuyên ngành Quan hệ Quốc tế, giới thiệu phần đầu tiên của khối từ vựng chuyên ngành, và cung cấp dạng bài tập liên quan.	2	26	4	60	5
79		Tiếng Anh chuyên ngành QHQT II	Chương 2 nhằm cung cấp một cách tiếp cận truyền thông trong ngành Quan hệ Quốc tế bằng tiếng Anh, giới thiệu phần thứ hai của khối từ vựng chuyên ngành, và cung cấp dạng bài tập liên quan. Chương 3 nhằm cung cấp một giới thiệu bằng tiếng Anh một số					6

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
			hiệp ước/hiệp định/ngợi định quan trọng trong quan hệ quốc tế, giới thiệu phần thứ ba của khối từ vựng chuyên ngành, và cung cấp dạng bài tập liên quan. Chương 4 nhằm cung cấp một giới thiệu bằng tiếng Anh một số tin tức chọn lọc về quan hệ quốc tế và chính trị quốc tế, giới thiệu phần thứ tư của khối từ vựng chuyên ngành, và cung cấp dạng bài tập liên quan. Chương 5 nhằm cung cấp một giới thiệu bằng tiếng Anh về các dạng văn bản ngoại giao, giới thiệu phần thứ năm của khối từ vựng chuyên ngành, và cung cấp dạng bài tập liên quan.					
80		Dịch văn bản và tin tức QHQT: Anh Việt	Học phần cung cấp các văn bản báo chí và tài liệu nghiên cứu về các chủ đề khác nhau đồng thời trình bày một cách có hệ thống những kỹ năng dịch cơ bản như kỹ năng lựa chọn từ ngữ, kỹ năng đảo cấu trúc, kỹ năng xử lý danh từ riêng, kỹ năng giải nghĩa... Các bài được sắp xếp theo các chủ đề phổ biến và được lồng ghép các kỹ năng dịch cơ bản.	2	21	9	60	6
81		Dịch văn bản và tin tức QHQT: Việt Anh	Học phần cung cấp các văn bản báo chí và tài liệu nghiên cứu về các chủ đề khác nhau đồng thời trình bày một cách có hệ thống những kỹ năng dịch cơ bản như kỹ năng lựa chọn từ ngữ, kỹ năng đảo cấu trúc, kỹ năng xử lý danh từ riêng, kỹ năng giải nghĩa... Các bài được sắp xếp theo các chủ đề phổ biến và được lồng ghép các kỹ năng dịch cơ bản.	2	20	25	90	7
82		Viết học thuật	Học phần tập trung giải quyết khối kiến thức và kỹ năng về: - Quá trình và chiến lược Viết: tìm kiếm tư liệu, lập dàn ý, tóm tắt, tổ chức ý tưởng, vấn đề đạo văn, trích dẫn và đọc dò. - Các kiểu đoạn/bài văn cơ bản: tranh luận-lập luận, nguyên nhân-hậu quả, định nghĩa, tự sự, miêu tả, viết luận. - Từ vựng và ngôn ngữ: chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, từ vựng học thuật, chọn lựa từ - Cấu trúc bài viết khoa học và các dạng văn bản viết học thuật khác : tổ chức văn bản, ngôn ngữ chuyển tiếp, thực hiện số liệu và trình bày ... - Cấu trúc đoạn văn (câu chủ đề, các ví dụ hỗ trợ, câu chuyển tiếp) - Cách dùng trích dẫn, diễn giải, tóm tắt...	2	29	16		7
THỰC TẬP THỰC TẾ				6				
83		Tiến trình lịch sử Việt Nam		2				8
84		Thực tập công ty		2				6
85		Thực tập nước ngoài		2				7

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên			Lịch trình giảng dạy
					Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		Tổng cộng		120/190				
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP				10				
86		Khoá luận tốt nghiệp	Sinh viên hoàn thành tất cả các học phần theo hướng dẫn thực hiện CTĐT, sẽ được đi thực tập cuối khóa để làm khóa luận cuối khóa hoặc chuyên đề cuối khóa theo quyết định của Hiệu trưởng nhà trường. Khóa luận cuối khóa được tính 8 tín chỉ. Sinh viên làm chuyên đề cuối khóa được tính 3 tín chỉ và phải học thêm học phần Chuyên đề tổng hợp 3 tín chỉ. Quá trình thực tập tốt nghiệp sinh viên được tiếp cận thực tế giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế dưới sự phối hợp hướng dẫn giữa cơ sở thực tập nghề nghiệp và giảng viên hướng dẫn.					8

B. Nội dung chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện.

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Lịch trình giảng dạy
				Số tín chỉ	Trong đó			
					Lý thuyết	Bài tập + Thực hành	Tự học	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				29/33				
Ia. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc				23/23				
1	LLCTLS2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học	2	20	10	60	6

			nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.					
2	LLCTTH3	Triết học Mác-Lênin	Gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.	3	40	5	90	1
3	LLCTKT2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam.	2	24	6	60	2
4	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã	Nội dung chương trình gồm 8 chương: Trong đó,	2	28	2	60	3

		hội khoa học	chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 8 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.					
5	LTCTTT2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần này gồm 7 chương: Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của dân, do dân, vì dân; Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người; Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.	2	22	8	60	4
6	KQT00	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản nhất về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, bước đầu thực hiện được một nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp	2	20	10	60	5
7	DHNN1013	Tiếng Anh không chuyên 1	Với 07 tín chỉ gồm 105 tiết lên lớp và giáo trình sử dụng là BASIC ENGLISH I, nội dung của học phần “Tiếng Anh cơ bản” được chia ra 3 học kỳ, có lồng ghép “Tiếng Anh chuyên	3	25	20	90	1
8	DHNN1022	Tiếng Anh không	ghép “Tiếng Anh chuyên	2	26	4	60	2

		chuyên 2	ngành” như sau: HK I(năm I): Unit 1 – Unit 12 (lồng ghép một số câu dịch đơn giản về chuyên ngành) HK II (năm I): Unit 13 – Unit 21 (lồng ghép một số bài đọc ngắn về chuyên ngành) HK III (năm 2): Unit 22 – Unit 30 (lồng ghép một số bài đọc ngắn về chuyên ngành có cấu trúc ngữ pháp và từ vựng nâng cao)						
9	DHNN1032	Tiếng Anh không chuyên 3		2	26	4	60	3	
10	KQTTT01	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần này gồm 6 chương: Chương 1: Văn minh Bắc phi và Tây Á; Chương 2: Văn minh Ấn Độ, Trung Hoa và Đông Nam Á; Chương 3: Văn minh khu vực Trung – Nam Mỹ. Chương 4: Văn minh Hy Lạp, và La Mã cổ đại; Chương 5: Văn minh Tây Âu trung đại; Chương 6: Văn minh tế giới cận – hiện đại	3	21	9	60	2	
Ib. Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn				4/10					
11	KTĐMST	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Nghiên cứu về khởi nghiệp và đổi mới đã tăng lên đáng kể trên toàn thế giới trong những thập niên gần đây và hiện nay là một trong những chủ đề phổ biến nhất trong các trường kinh doanh hàng đầu. Học phần này tập trung vào lĩnh vực khởi nghiệp và đổi mới. Từ quan điểm học thuật, khởi nghiệp và đổi mới là những lĩnh vực phức tạp với những tranh luận đáng kể về định nghĩa và phạm vi của chúng. Từ góc nhìn thực tế, khởi nghiệp liên quan đến quá trình phát triển các dự án kinh doanh mới, và hoặc quảng và tăng trưởng và đổi mới trong các công ty hiện có. Đổi mới không chỉ là về công nghệ mới mà còn về làm tốt hơn để nâng cao giá trị cho khách hàng, nhân viên và cổ đông. Thành công trong	2	15	15	60	7	

			khởi nghiệp đòi hỏi nhiều hơn là chỉ di may mắn và tiền bạc, đó là một quá trình gắn kết từ lập kế hoạch, phát triển ý tưởng, sáng tạo và chấp nhận rủi ro. Những lý do chính để nghiên cứu khởi nghiệp và đổi mới ở trình độ đại học là để tạo ra nhận thức về kinh doanh, để phát triển phân tích và kỹ năng sáng tạo và để khuyến khích tự phát triển của sinh viên vào kinh doanh với vai trò chủ sở hữu hoặc nhân viên.					
12	KQTTT02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần này gồm 6 chương: Chương 1. Những vấn đề chung về văn hóa VN; Chương 2. Văn hóa nhận thức; Chương 3. Văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng; Chương 4. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; Chương 5. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.	2	20	10	60	1
13	KQTTT03	Đại cương Mỹ học	Học phần gồm có 05 chương cung cấp các nội dung liên quan đến Mỹ học bao gồm: lịch sử nghiên cứu, khái niệm, đối tượng nghiên cứu của Mỹ học; khái niệm và đặc điểm của quan hệ thẩm mỹ; chủ thể thẩm mỹ và các phạm trù mỹ học cơ bản; các loại hình nghệ thuật và bản chất; đặc trưng của nghệ thuật.	2	20	10	60	1
14	KQTTT04	Logic học	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cá thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm, Phán đoán, Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện	(2)	20	10	60	1
15	KQTTT05	Kỹ năng soạn thảo văn	Kỹ thuật soạn thảo văn bản nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần	(2)	20	10	60	1

		bản	thiết về các nguyên tắc soạn thảo văn bản, quy trình soạn thảo văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản; trình bày và ban hành các loại văn bản trong công tác văn phòng (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo. Biên bản, công văn,...); góp phần rèn luyện kỹ năng nhận thức và tư duy cho sinh viên. Hình thành thói quen nói và viết tiếng Việt có văn hóa, có ý thức làm việc cẩn trọng với hoạt động soạn thảo văn bản.					
Ic. Giáo dục thể chất				4	-	-	-	
Id. Giáo dục quốc phòng – an ninh				8	-	-	-	
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH				39/47				
IIa. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc				33/33				
Module 1: Truyền thông cơ bản								
16	KQTTT06	Lý thuyết truyền thông trực tuyến	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý thuyết truyền thông. Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ hiểu được bản chất xã hội của truyền thông, nắm và hiểu được những đặc trưng cơ bản của truyền thông, các lý thuyết truyền thông cơ bản, chu trình truyền thông, các phương tiện truyền thông và có thể thành thiết lập kế hoạch truyền thông, cũng như các kỹ năng sử dụng các công cụ đánh giá, giám sát. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên thái độ học hỏi và làm việc nghiêm túc trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp.	3	25	20	90	1
17	KQTTT07	Viết trong truyền thông	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản khi tổ chức xây dựng và thực hiện các bài viết trong truyền thông, bao gồm các thể loại như: thông cáo bài PR cho sự kiện, bài PR cho quảng cáo sản phẩm, email Marketing, Brochure- tờ rơi; báo cáo nội chí bộ và bài diễn văn. Ngoài ra, môn	3	25	20	90	1

			học cũng lưu ý và chú trọng đến những vấn đề về Đạo đức và Trách nhiệm của người thực hiện các bài viết trong truyền thông.					
18	KQTTT08	Sản xuất nội dung số sáng tạo	Học phần Sáng tạo nội dung số cung cấp kiến thức cho sinh viên về các khái niệm cũng như các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng các công cụ để sáng tạo nội dung số. Nắm được các hình thức khác nhau của nội dung số và vai trò của nó đối với marketing và truyền thông cho doanh nghiệp. Qua học phần, sinh viên có khả năng: nắm vững các loại hình khác nhau của nội dung số; có kỹ năng sử dụng các công cụ để xây dựng nội dung số cơ bản; có kỹ năng sáng tạo style riêng của cá nhân; có tính trung thực, sáng tạo, có trách nhiệm với nghề nghiệp trong lĩnh vực này; có khả năng thích nghi cao với môi trường làm việc toàn cầu với vai trò là một nhà sáng tạo nội dung số chuyên nghiệp.	3	25	20	90	3
Module 2: Truyền thông nâng cao								
19	KQTTT09	Xây dựng thương hiệu trên phương tiện truyền thông kỹ thuật số	Học phần Digital Branding giới thiệu về công cụ và hoạt động Marketing trong kỷ nguyên kỹ thuật số và cách vận dụng các công cụ này trong quá trình hoạch định chiến lược thương hiệu. Học phần tập trung vào phân tích các công cụ truyền thông kỹ thuật số cho thương hiệu trên môi trường Internet như: website, marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, các công cụ xây dựng mối quan hệ khách hàng trên Internet như: email marketing, mobile marketing, crm và các công cụ digital media trong truyền thông thương hiệu...	3	25	20	90	5

			Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng các công cụ kỹ thuật số vào chiến lược marketing cho thương hiệu trên môi trường Internet, cũng như có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Branding.					
20	KQTTT10	Quản trị dự án truyền thông	Học phần này giúp người học có kiến thức tổng quan về các khái niệm cơ bản của dự án và quản trị dự án. Cách thức hoạch định dự án từ việc xác định tầm nhìn cho đến thiết lập mục tiêu, phân bổ nguồn lực, sắp xếp trình tự các hoạt động khi thực hiện một chiến dịch truyền thông. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn tầm quan trọng và vai trò của một chiến dịch truyền thông trong hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Về nội dung thực hành, sinh viên có thể xây dựng dự án PR cho một doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh trên cơ sở lựa chọn, phối hợp các công cụ PR để triển khai một chương trình PR hiệu quả.	3	25	20	90	5
21	KQTTT11	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về quản lý khủng hoảng, bao gồm các loại khủng hoảng, nguyên nhân khủng hoảng, cách phòng tránh và xử lý khi khủng hoảng xảy ra. Trên cơ sở nắm bắt lý thuyết, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp để lên kế hoạch xử lý khủng hoảng, giúp sinh viên có khả năng phân tích và đề ra chiến lược thực hiện các bước xử lý khủng hoảng trong thực tế.	3	25	20	90	6
22	KQTTT12	Tổ chức sự kiện	Học phần này giúp người học hiểu rõ khái niệm,	3	25	20	90	4

			nhận dạng được môn tổ chức sự kiện, nội dung tổ chức sự kiện, Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định như Nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện. Khả năng tổ chức – quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.					
Module 3: Truyền thông marketing								
23	KQTTT13	Nguyên lý marketing	Học phần nguyên lý marketing bao gồm 10 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm marketing, marketing mix, vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing. Học phần đi sâu phân tích nội dung các hoạt động marketing (quá trình marketing) như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.	3	25	20	90	2
24	KQTTT14	Truyền thông marketing tích hợp	Học phần giới thiệu các công cụ, kỹ thuật và phương tiện truyền thông được sử dụng để chiêu thị sản phẩm. Truyền thông tích hợp là một chiến lược phối kết hợp các công cụ truyền thông nhằm gia tăng mức độ tác động đến khách hàng, thị trường. Thông qua môn học này, sinh viên sẽ được tiếp cận việc phân tích các cơ hội	3	25	20	90	2

			để chiêu thị, phân tích tiến trình truyền thông, thiết lập mục tiêu và ngân sách IMC. Môn học cũng tập trung nghiên cứu các chức năng và các thành phần cơ bản của chiêu thị trong chiến lược marketing của doanh nghiệp; các khái niệm cũng như tiến trình thiết lập chiến lược IMC					
25	KQTTT15	Lập kế hoạch truyền thông marketing	Học phần xây dựng kế hoạch truyền thông marketing nhằm trang bị cho sinh viên – người học những kiến thức và kỹ năng nhằm giúp họ có khả năng phân tích – hoạch định (chiến lược và chiến thuật) truyền thông cho một doanh nghiệp, khả năng tổ chức thực hiện và kiểm tra quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược truyền thông. Học phần này giúp nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên – người học: Xây dựng được một bản kế hoạch truyền thông của doanh nghiệp (định hướng: kế hoạch truyền thông cho một sản phẩm/nhãn hàng/thương hiệu cụ thể); Tổ chức thực hiện, kiểm soát và đánh giá – đo lường được hiệu quả (hiệu suất) quá trình thực thi kế hoạch truyền thông.	3	25	20	90	3
26	KQTTT16	Quản trị thương hiệu	Quản trị thương hiệu là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị thương hiệu, Học phần tập trung giới thiệu tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong công ty, các khái niệm và thuật ngữ quan trọng có liên quan đến môn học, phân tích nội dung của công tác quản trị thương hiệu, quá trình xây dựng thương hiệu, bảo vệ thương hiệu, mở rộng thương hiệu.	3	25	20	90	6
IIb. Khối kiến thức giáo cơ sở ngành tự chọn				6/14				
27	KQTTT17	Công chúng truyền	Học phần này gồm có 3 chương, bao gồm: Hoạt động tiếp nhận truyền thông	2	20	10	60	6

		thông	của công chúng; Hoạt động tiếp nhận truyền thông của công chúng; Hoạt động nghiên cứu công chúng truyền thông.					
28	KQTTT18	Truyền thông doanh nghiệp	Môn học giới thiệu cho sinh viên các khái niệm và thuật ngữ chuyên dụng trong lĩnh vực truyền thông doanh nghiệp, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để xác định, phân biệt, phân tích các thành tố quan trọng (cả bên trong và bên ngoài) tác động đến hình ảnh và thương hiệu của một doanh nghiệp hoặc tổ chức. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng lập chiến lược, vận hành và quản trị các kế hoạch truyền thông một cách hiệu quả, sử dụng linh hoạt các công cụ truyền thông tiên tiến, hiện đại giúp tiếp cận đối tượng công chúng mục tiêu một cách hiệu quả, lựa chọn phương thức phù hợp để tương tác, thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với các cấp chính quyền, giới truyền thông, báo chí, các nhóm công chúng và các bên hữu quan khác. Dựa trên những kiến thức đó, sinh viên còn được hướng dẫn phương pháp và thực hành nghiên cứu, phân tích, đánh giá các chiến lược truyền thông cụ thể của các doanh nghiệp và tổ chức tại thị trường Việt Nam và trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và nghề nghiệp trong tương lai.	2	20	10	60	6
29	KQTTT19	Pháp luật và đạo đức về truyền thông	Áp dụng tri thức về pháp luật báo chí, các quan niệm về đạo đức báo chí vào thực tiễn hoạt động, quan hệ công chúng nói chung và quan hệ với báo chí nói riêng. Từ đó, người học xác định được những việc làm đúng sai của các chủ thể khi	2	20	10	60	7

			tác nghiệp quan hệ công chúng theo luật báo chí, đồng thời điều chỉnh các hành vi khi quan hệ công chúng với báo chí					
30	KQTTT20	Truyền thông mạng xã hội	Học phần Truyền thông mạng xã hội cung cấp kiến thức để định vị quá trình hình thành, phát triển và ứng dụng của truyền thông mạng xã hội theo tiến trình thời gian. Tiếp cận vấn đề theo hướng học thuật và liên văn hoá, học phần giải thích chi tiết về những khái niệm chủ chốt về truyền thông mạng xã hội, cùng với đó, phân tích những ví dụ cụ thể nhằm giúp sinh viên hiểu và có tư duy phản biện về truyền thông mạng xã hội trong bối cảnh truyền thông và văn hoá không ngừng thay đổi. Sinh viên nắm được các lý thuyết về truyền thông mạng xã hội và hiểu biết các trang mạng xã hội, phân tích ảnh hưởng của truyền thông mạng xã hội tới các sản phẩm văn hoá, đánh giá vai trò của truyền thông xã hội trong quan hệ công chúng, kỹ năng sử dụng mạng xã hội cho mục đích truyền thông, quan hệ công chúng, bao gồm: tạo nội dung, chạy chiến dịch truyền thông, quảng bá đến công chúng mục tiêu; nâng cao nhận thức của sinh viên về vai trò của truyền thông mạng xã hội đối với cá nhân, tổ chức, đồng thời hình thành ý thức về đạo đức sử dụng mạng xã hội.	(2)	20	10	60	2
31	KQTTT21	Tâm lý học truyền thông	Nội dung học phần gồm 4 chương sau: Chương 1. Tâm lý học ứng dụng trong nghề báo; Chương 2. Tâm lý tiếp nhận sản phẩm báo chí của công chúng; Chương 3. Giao tiếp báo	(2)	20	10	60	2

			chí; Chương 4. Tâm lý sáng tạo của người làm báo						
32	KQTTT22	Truyền thông và toàn cầu hóa	Học phần làm rõ những nét tương đồng và khác biệt trong quy trình sản xuất, đánh giá, quản lý, tiếp nhận sản phẩm truyền thông giữa các nền báo chí và văn hoá khác nhau, giữa những quốc gia có hệ thống kinh tế - chính trị khác nhau, giúp họ rèn luyện khả năng điều chỉnh thái độ, hành vi một cách linh hoạt để dễ dàng thích ứng trong những môi trường tác nghiệp trong nước hoặc nước ngoài	(2)	20	10	60	2	
33	KQTTT23	Xây dựng thương hiệu cá nhân	Thương hiệu cá nhân” là một cụm từ, một bảng hiệu, một website. Hay đơn giản là một logo nhằm định vị sản phẩm, dịch vụ của một cá nhân nào đó. Xây dựng thương hiệu cá nhân là xây dựng hình tượng cho một cá nhân hay doanh nghiệp nào đó. Nhằm mang đến khách hàng sự rõ ràng, chi tiết. Qua đó dễ dàng đạt được sự tín nhiệm và giữ chân khách hàng. Học phần này có 05 chương: Chương 1. Định vị thương hiệu cá nhân; 2. Chương 2: Chiến lược xây dựng thương hiệu cá nhân; Chương 3: Xây dựng chiến lược thương hiệu của cá nhân; Chương 4: Thương hiệu cá nhân trên mạng xã hội; Chương 5: Kế hoạch và các bước thực hiện xây dựng thương hiệu cá nhân; Chương 6: Kế hoạch và các bước thực hiện xây dựng thương hiệu cá nhân.	(2)	20	10	60	6	
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				48/52					
IIIa. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc				40/40					
Module 4: Sản xuất truyền thông									
34	KQTTT24	Sản xuất audio	Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về loại hình báo phát thanh như: tổ chức của cơ quan báo phát thanh; bản chất tin tức và tiêu chí chọn lọc tin tức cho phát thanh; công chúng	5	30	45	150	4	

			phát thanh; nguồn tin của phóng viên phát thanh; kỹ năng người làm báo phát thanh; đặc trưng và nguyên tắc viết cho báo phát thanh; các thể loại báo chí phát thanh căn bản; nguyên tắc dàn dựng và kỹ thuật, quy trình sản xuất một sản phẩm phát thanh, một chương trình phát thanh cụ thể. Sinh viên được thực hành cách trình bày, thể hiện một sản phẩm phát thanh theo đúng yêu cầu, đặc trưng của loại hình.					
35	KQTTT25	Sản xuất video	Môn học cung cấp những kiến thức chung về truyền hình, như: các khái niệm và thuật ngữ; đặc trưng loại hình; lịch sử truyền hình thế giới và Việt Nam; hệ thống đài truyền hình quốc gia và địa phương; cơ cấu tổ chức và hoạt động của một đài truyền hình; vai trò và nhiệm vụ của các thành viên trong êkíp sản xuất chương trình; cấu trúc chương trình truyền hình; kế hoạch sản xuất và phân bổ chương trình phát sóng; qui trình sản xuất chương trình truyền hình và tổng quan về các thể loại truyền hình. Học phần giúp sinh viên nắm bắt các khái niệm, đặc trưng cơ bản về truyền thông truyền hình; nắm bắt phương thức sản xuất một chương trình truyền hình; biết cách chuyển thể một bản tin báo in sang bản tin truyền hình; biết được các yếu tố cần thiết của một kịch bản truyền hình chuẩn và viết được một kịch bản truyền hình sử dụng cho một yêu cầu truyền thông cụ thể... Môn học đi vào các vấn đề liên quan đến kỹ thuật truyền hình như nguyên lý hoạt động (truyền hình	5	30	45	150	5

			analog, truyền hình kỹ thuật số) phương thức truyền tải và phát tín hiệu (viba, cáp quang, vệ tinh); cấu tạo và cách sử dụng các thiết bị quay phim; kỹ thuật ghi hình (các cỡ cảnh, động tác máy, góc máy, cách lấy một shot hình chuẩn); kỹ thuật thu âm; kỹ thuật cắt dựng phim; kỹ thuật truyền hình trực tiếp.					
36	KQTTT26	Thiết kế web	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một website đơn giản, cung cấp kiến thức nền tảng trong việc thiết kế website tĩnh với công nghệ HTML, CSS, Javascript tạo tiền đề cho việc phát triển thiết kế và lập trình web động. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên hiểu được nguyên tắc thiết kế và quản lý một website với cấu trúc đơn giản, thân thiện với đầy đủ những chức năng cơ bản có sẵn bằng phần mềm Dreamweaver mới nhất. Biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet, xây dựng và triển khai các hệ thống websites. Tiếp cận và nắm bắt những công nghệ phát triển mới HTML5 và CSS3 và jQuery, sử dụng khả năng định vị của máy điện thoại thông minh để kết hợp các dịch vụ và các ứng dụng đám mây di động Canvas và video, thêm đồ họa và video, đặc tả Geolocation API.	3	25	20	90	6
37	KQTTT27	Nhiếp ảnh	Hướng dẫn cho sinh viên các kiến thức, nguyên tắc về nhiếp ảnh kỹ thuật số để hiểu các thể loại ảnh như: chân dung, phóng sự, phong cảnh, tĩnh vật. Học phần này trang bị cho sinh viên biết khái quát về cấu trúc, cách vận hành máy, các phương pháp kỹ thuật sử dụng các loại máy ảnh	5	30	45	150	3

			<p>từ máy cơ đến. máy tự động, máy kỹ thuật số. Biết các ưu nhược điểm của các loại máy ảnh, biết sơ nét về các nguyên lý kỹ thuật triển khai việc tráng phim, rửa hình cổ điển và in hình trong kỹ thuật hiện đại. Trang bị cho sinh viên phương pháp chọn cắt ảnh, cắt cảnh, bố cục ảnh, chọn thời điểm khoảnh khắc tốt để ghi hình. Thực hành đi dã ngoại để chụp ảnh, nông thôn, bóng nước, thành phố,...Học phần này giúp cho sinh viên tự chụp hình, tự chụp mẫu, tự ghi chép tư liệu bằng máy; biết sáng tạo các hình ảnh cho các đề tài mà mình sẽ sử dụng trong các bài thiết kế trong khi học ở trường và ứng dụng sau này trong hành nghề thiết kế.</p>					
38	KQTTT28	Xử lý ảnh kỹ thuật số	<p>Học phần Công cụ đồ họa I là một trong những học phần đồ họa căn bản cung cấp kiến thức chủ yếu về công cụ cho Sinh viên. Qua học phần này, sinh viên được tiếp cận các khái niệm đồ họa bitmap, đồ họa 2D, được học tập các kỹ năng thao tác để khai thác hỗ trợ cho việc học chuyên ngành. Trong học phần đồ họa máy tính II, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản để làm việc với vùng chọn, sao chép, di chuyển, hiệu chỉnh vùng chọn; các thao tác trên layer như tạo layer, copy layer, sắp xếp các layer, cách phối trộn màu; cách nhập và sử lý văn bản; chỉnh sửa ảnh, thay thế màu trong ảnh; giới thiệu về ứng dụng của bộ lọc Filter, cách cài đặt bộ lọc Plug-in tương thích với photoshop, hướng dẫn</p>	5	30	45	150	3

			sử dụng bộ lọc; tạo các hiệu ứng mỹ thuật bằng Layer Styles (chữ nổi, khắc chìm, bóng mờ, hào quang...), các thủ thuật xoá bỏ những hình nền phức tạp, ghép ảnh (đổ bóng, hào quang), tương tác màu giữa hai lớp ảnh (Satin, Overlay...), một số phương pháp tạo nền ảnh.. Học phần này cũng sẽ cung cấp kiến thức cho sinh viên trong việc vận dụng chỉnh sửa, tạo các hiệu ứng tương tác, hòa trộn, tiện lợi cho thực hành sáng tạo trong học tập chuyên ngành.						
Module 5: Thiết kế truyền thông									
39	KQTTT29	Nguyên lý thiết kế đồ họa	Học phần này gồm có 3 chương, bao gồm: Các nguyên lý thiết kế; Một số đặc tính trong thiết kế đồ họa; Sự cân bằng và hài hòa trong cấu trúc bố cục thiết kế.	3	15	30	90	4	
40	KQTTT30	Nghệ thuật chữ	Nghệ thuật chữ giới thiệu cho sinh viên sự sáng tạo, chức năng và thẩm mỹ của từng kiểu chữ trong thiết kế đồ họa. Bằng việc hiểu những nguyên lý cơ bản của chữ viết, sinh viên sẽ phát triển khả năng thiết kế chữ của mình để đáp ứng được yêu cầu thiết kế. Ngoài ra, sinh viên sẽ được học về các bộ phận chi tiết, vị trí, khoảng cách,... làm nên 1 kiểu chữ để có thể sử dụng trong in ấn và kỹ thuật số.	3	15	30	90	5	
41	KQTTT31	Công cụ thiết kế trực quan 1	Học phần Tin học mỹ thuật ứng dụng là học phần đồ họa căn bản cung cấp kiến thức chủ yếu về công cụ cho Sinh viên. Qua học phần này, sinh viên được tiếp cận các khái niệm đồ họa vectơ, đồ họa 2D, được học tập các kỹ năng thao tác để khai thác hỗ trợ cho việc học chuyên ngành.	3	15	30	90	4	

			<p>Trong học phần đồ họa máy tính I, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ họa 2D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp. Sinh viên sẽ được học việc sử dụng các công cụ, các lệnh hỗ trợ để tô màu đối tượng theo nhiều chế độ khác nhau và làm biến đổi chúng theo ý tưởng. Học phần này cũng sẽ cung cấp kiến thức cho sinh viên trong việc vận dụng chỉnh sửa, chuyển đổi qua lại giữa đối tượng vectơ và đối tượng bitmap, tiện lợi cho thực hành sáng tạo trong học tập chuyên ngành.</p>					
42	KQTTT32	Công cụ thiết kế trực quan 2	<p>Học phần Công cụ đồ họa I là một trong những học phần đồ họa căn bản cung cấp kiến thức chủ yếu về công cụ cho Sinh viên. Qua học phần này, sinh viên được tiếp cận các khái niệm đồ họa bitmap, đồ họa 2D, được học tập các kỹ năng thao tác để khai thác hỗ trợ cho việc học chuyên ngành. Trong học phần đồ họa máy tính II, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản để làm việc với vùng chọn, sao chép, di chuyển, hiệu chỉnh vùng chọn; các thao tác trên layer như tạo layer, copy layer, sắp xếp các layer, cách phối trộn màu; cách nhập và sử lý văn bản; chỉnh sửa ảnh, thay thế màu trong ảnh; giới thiệu về ứng dụng của bộ lọc Filter, cách cài đặt bộ lọc Plug-in tương thích với photoshop, hướng dẫn sử dụng bộ lọc; tạo các hiệu ứng mỹ thuật bằng Layer Styles (chữ nổi, khắc chìm, bóng mờ, hào</p>	3	15	30	90	5

			quang...), các thủ thuật xoá bỏ những hình nền phức tạp, ghép ảnh (đổ bóng, hào quang), tương tác màu giữa hai lớp ảnh (Satin, Overlay...), một số phương pháp tạo nền ảnh.. Học phần này cũng sẽ cung cấp kiến thức cho sinh viên trong việc vận dụng chỉnh sửa, tạo các hiệu ứng tương tác, hòa trộn, tiện lợi cho thực hành sáng tạo trong học tập chuyên ngành.					
43	KQTTT33	Công cụ thiết kế trực quan 3	Học phần Công cụ đồ họa 2 là học phần đồ họa căn bản cung cấp kiến thức chủ yếu về công cụ cho Sinh viên. Qua các học phần này, sinh viên được tiếp cận các khái niệm đồ họa vectơ, đồ họa bitmap, đồ họa 2D, được học tập các kỹ năng thao tác để khai thác hỗ trợ cho việc học chuyên ngành. Trong học phần đồ họa máy tính 2, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ họa 2D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp. Sinh viên sẽ được học việc sử dụng các công cụ, các lệnh hỗ trợ để tô màu đối tượng theo nhiều chế độ khác nhau và làm biến đổi chúng theo ý tưởng. Học phần này cũng sẽ cung cấp kiến thức cho sinh viên trong việc vận dụng chỉnh sửa, chuyển đổi qua lại giữa đối tượng vectơ và đối tượng bitmap, tiện lợi cho thực hành sáng tạo trong học tập chuyên ngành.	3	15	30	90	6
IIIb. Kiến thức chuyên ngành tự chọn				8/12				
44	KQTTT34	Thiết kế nhận diện thương hiệu	Học phần thiết kế nhận diện thương hiệu đề cập đến các vấn đề chung nhất về nhận diện thương hiệu trong đời sống kinh tế-xã hội; đặc trưng ngôn ngữ của hệ thống	3	15	30	90	7

			đồ họa nhận diện thương hiệu. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp, quy trình thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu bằng kỹ năng vẽ tay và kết hợp sử dụng các phần mềm đồ họa máy tính.					
45	KQTTT35	Thiết kế Catalogue & Brochure	Vai trò truyền thông quan trọng của Catalogue, Brochure, Fluer, Leaflet và sự khác biệt giữa chúng. Phân tích các đặc điểm để lựa chọn phương án bố cục, hình ảnh minh họa chữ cho thật sự phù hợp, đảm bảo thông tin tới tay người xem. Biết cách nâng cao hiệu quả thị giác của các thành tố trong thiết kế và cùng với phong cách thiết kế tạo sự thành công cho sản phẩm. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực xuất bản. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế	3	15	30	90	7
46	KQTTT36	Pháp luật sở hữu trí tuệ	Môn học cung cấp những lý luận cơ bản về sở hữu trí tuệ; những quy định pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời nội dung môn học còn đề cập đến các qui định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đang có giá trị áp dụng trong giai đoạn toàn cầu hóa như hiện nay.	2	20	10	60	7
47	KQTTT37	Nghệ thuật đàm phán	Nghệ thuật đàm phán nói chung và đàm phán trong kinh doanh nói riêng là học phần thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết và kỹ năng đàm phán hiệu quả. Nội	(2)	20	10	60	7

			dung chính tập trung vào việc hiểu rõ những khái niệm cơ bản về đàm phán, tại sao các bên phải thực hiện đàm phán, vai trò của việc chuẩn bị thông tin và các phương pháp tiếp cận trước, trong và sau quá trình đàm phán; hiểu rõ các kỹ năng đàm phán cơ bản như lắng nghe, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, cách xây dựng vị thế đàm phán và các phương án dự phòng.					
48	KQTTT38	Kỹ năng nói trước công chúng	Học phân được chia làm 5 chương, giới thiệu những vấn đề cơ bản trong hình thành và rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước công chúng, bao gồm: cách thức chuẩn bị cho bài thuyết trình, xây dựng cấu trúc nội dung cho bài thuyết trình, cách sử dụng công cụ trực quan, vận dụng kỹ năng giao tiếp phi ngôn từ, kỹ năng vấn đáp và một số kỹ năng khác. Qua đó, học phân giúp sinh viên nắm bắt các yêu cầu cơ bản, cải thiện kỹ năng để nâng cao hiệu quả thuyết trình, thuyết phục của bản thân.	(2)	20	10	60	7
IV. Thực tập nghề nghiệp, Đồ án tốt nghiệp				14/14				
IVa. Thực tập nghề nghiệp				6/6				
49	KQTTT40	Thực tập nghề nghiệp	Sau khi hoàn thành học kỳ thứ 6, sinh viên ngành Truyền thông đa phương tiện phải tham gia thực tập nghề nghiệp. Thực tập nghề nghiệp có thời lượng 4 tín chỉ, tương đương 180 giờ thực tập tại cơ sở thực tập nghề nghiệp do Khoa Quốc tế giới thiệu hoặc sinh viên chủ động liên hệ cơ sở thực tập nghề nghiệp theo đúng chuyên ngành đào tạo. Sinh viên có thể thực tập nghề nghiệp trong học kỳ Hè năm thứ 3 theo hình thức thực tập toàn thời gian trong 4 tuần liên tiếp hoặc trong học kỳ thứ 7 dưới sự	6	5	85	170	7

			hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và đại diện của cơ sở thực tập.					
IVb. Thực tập cuối khóa				8/8				
50	KQTTT53	Đồ án tốt nghiệp	Sinh viên hoàn thành tất cả các học phần theo hướng dẫn thực hiện CTĐT, sẽ được đi thực tập cuối khóa để làm đồ án tốt nghiệp hoặc chuyên đề cuối khóa theo quyết định của Khoa trưởng Khoa Quốc tế. Khóa luận cuối khóa được tính 10 tín chỉ. Sinh viên làm chuyên đề cuối khóa được tính 6 tín chỉ và phải học thêm học phần Chuyên đề tổng hợp 4 tín chỉ. Quá trình thực tập tốt nghiệp sinh viên được tiếp cận thực tế giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực truyền thông dưới sự phối hợp hướng dẫn giữa cơ sở thực tập nghề nghiệp và giảng viên hướng dẫn.	8		120	240	8
		Tổng cộng		130/146				

D. Nội dung chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

STT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	Nội dung cần đạt được của mỗi học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức				Lịch trình GD
					Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	
I.	KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG			32					
I.1	Lý luận chính trị			11					
1	CTR1072	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này gồm có 4 chương, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, nhiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; Đảng lãnh đạo cả hai nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới.	2	21	3	6	60	1
2	CTR1053	Triết học Mác – Lê Nin	Học phần này gồm có 3 chương, bao gồm: triết học và vai trò của triết học trong đời sống; chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3	45			90	1
3	LLCTKT2	Kinh tế	Học phần này gồm có 6 chương,	2	21	3	6	60	1

		chính trị Mác – Lê Nin	bao gồm: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác –Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.						
4	LLCTXH2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần này gồm có 8 chương, bao gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.	2	25	1	4	60	2
5	CTR1022	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần này gồm có 7 chương, bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.	2	28	2		60	2
I.2	Ngoại ngữ			7					
6	DHNN101 3	Tiếng Anh cơ bản 1	Tiếng Anh cơ bản 1 gồm 3 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 45 tiết bao gồm phân giảng bài của giáo viên (25 tiết), các bài tập hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp (20 tiết) và 135 tiết tự học của sinh viên. Chương trình được giảng dạy theo giáo trình LIFE –Elementary (A1-A2). Student’s book with online workbook by John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett; National Geographic Learning, Cengage Learning. Giáo trình cho sinh viên kèm theo bài tập cùng với đĩa CD từ Unit 1 đến Unit 10. Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, và viết ở dạng cơ bản. Với 10 bài của học phần tiếng Anh cơ bản, sinh viên không những được thực hành 4 kỹ năng qua các dạng bài tập phong phú mà còn được tập trung rèn luyện phần ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản.	3	25		20	135	1

7	DHNN102 2	Tiếng Anh cơ bản 2	<p>Tiếng Anh cơ bản 2 gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp và 90 tiết tự học của sinh viên. Chương trình được giảng dạy theo giáo trình LIFE – Elementary (A1-A2) và Pre-Intermediate (A2-B1). Student’s book with online workbook by John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett; National Geographic Learning, Cengage Learning. Sách học cho sinh viên và bài tập cùng với đĩa CDs, Videos) từ đơn vị bài 11 đến bài 12 (Giáo trình A1-A2 + bài 1 đến bài 4 (Giáo trình A2-B1). Nội dung chính của học phần này là cung cấp cho sinh viên những hoạt động để rèn luyện 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, và viết ở dạng cơ bản và được phát triển, nâng cao từ học phần tiếng Anh cơ bản 1. Với 6 bài của học phần tiếng Anh cơ bản 2, sinh viên không những được thực hành 4 kỹ năng qua các dạng bài tập phong phú mà còn được tập trung rèn luyện phần ngữ âm. Phần ngữ pháp được lồng ghép qua các dạng bài tập sử dụng các thì, các cấu trúc cơ bản của tiếng Anh.</p>	2	26	2	2	60	1
8	DHNN203 2	Tiếng Anh cơ bản 3	<p>Tiếng Anh cơ bản 3 gồm 2 tín chỉ với số tiết lý thuyết trên lớp là 30 tiết bao gồm phần giảng bài của giáo viên, các hoạt động theo nhóm, theo cặp của sinh viên trên lớp và 90 tiết tự học của sinh viên. Chương trình được giảng dạy theo giáo trình LIFE – Pre-Intermediate (A2-B1). Student’s book with online workbook by John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett; National Geographic Learning, Cengage Learning. Giáo trình gồm các bài học (6 Units) cùng bài tập kèm đĩa CDs và Videos) từ đơn vị bài 1 đến bài 6. Với 6 bài của học phần tiếng Anh cơ bản 3, sinh viên không những được thực hành 4 kỹ năng qua các dạng bài tập phong phú mà còn được tập trung rèn luyện phần ngữ âm. Phần ngữ pháp được lồng ghép qua các bài đọc, dạng bài tập sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh, động từ khiếm khuyết, các loại câu đơn và câu phức trong Tiếng Anh, các dạng câu chủ động và bị động, câu điều kiện, ...</p>	2	26		4	90	2
I.3	Toán - tin - công nghệ - môi trường			6					
9	KTTN001	Toán kinh tế và XSTK	<p>Học phần được chia làm 5 phần lớn giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Toán Kinh tế và Xác suất thống kê, giúp người học nắm các kiến thức cơ bản về ma trận – định thức; Hàm một biến, hàm nhiều biến, đạo hàm và vi phân</p>	4	60			120	1

			<p>của hàm một biến, đạo hàm riêng của hàm nhiều biến; Phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2; Khái niệm cơ bản về xác suất; Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối, một số tính chất đặc trưng của biến ngẫu nhiên; Lý thuyết mẫu; Bài toán ước lượng tham số; Bài toán kiểm định giả thiết và bài toán phân tích hồi quy. Cụ thể: Chương 1 trình bày các khái niệm ma trận – định thức, hệ phương trình; Chương 2 giới thiệu về phép tính vi phân hàm một biến; Chương 3 trình bày phép tính vi phân nhiều biến; Chương 4 giới thiệu phương trình vi phân; Chương 5 giới thiệu một số khái niệm cơ bản về xác suất, biến ngẫu nhiên; Chương 6 trình bày bài toán ước lượng tham số; Chương 7 giới thiệu về bài toán kiểm định giả thiết và bài toán phân tích hồi quy.</p>						
10	KTTN002	Tin học ứng dụng	<p>Học phần bao gồm 4 chương bao gồm các nội dung soạn thảo văn bản với MS Word, xử lý bảng tính với MS Excel; soạn và trình bày báo cáo với MS Powerpoint; các dịch vụ mạng và Internet. Phần lý thuyết giảng dạy trên lớp gồm 15 tiết (14 tiết học và 1 tiết kiểm tra định kỳ). Phần thực hành 15 tiết gồm có 8 bài thực hành với các nội dung và phân bố cụ thể như sau: soạn thảo văn bản với MS Word (3 bài thực hành), tính toán trên bảng với MS Excel (4 bài thực hành), trình chiếu Powerpoint (1 bài thực hành), Internet (1 bài thực hành) và 1 bài kiểm tra định kỳ thực hành.</p>	2	13	1	31	90	1
I.4	Khoa học xã hội - nhân văn			8					
11	KTTN003	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	<p>Học phần Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản nhằm hướng đến việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản để ứng dụng trong học tập, cuộc sống và công việc. Học phần gồm các hợp phần chính: (1) Lý luận về kỹ năng và các loại kỹ năng mềm, (2) Kỹ năng giao tiếp; (3) Kỹ năng thuyết trình; Học phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tâm lý của bản thân và người đối diện, cải tạo những thói quen không tốt, vượt qua những trở ngại, vướng mắc, tạo dựng các mối quan hệ theo hướng tích cực.</p>	2	24	3	3	60	1
12	XHH1012	Xã hội học đại cương	<p>Học phần được chia làm 3 chương lớn giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Xã hội học, cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về định nghĩa xã hội học, các lý thuyết và khái niệm nền tảng, các phương pháp nghiên cứu Xã hội học. Cụ thể, chương 1 trình bày đối tượng nghiên cứu, lịch sử ra đời, các quan điểm, lý thuyết tiếp cận chính của Xã hội học, ứng dụng và cơ hội nghề nghiệp của ngành Xã hội học.</p>	2	15	1	14	60	1

			Chương 2 thảo luận về các khái niệm và phạm trù nền tảng của Xã hội học. Chương 3 giới thiệu các phương pháp nghiên cứu và trình bày phương pháp phỏng vấn trong nghiên cứu Xã hội học.						
13	KTTN004	Môi trường và con người	Môn học gồm có 6 chương, cung cấp và trình bày các kiến thức về sự phát triển của con người gắn liền với sự tác động vào môi trường, hậu quả của sự tác động đó ngược trở lại đối với con người; đồng thời giới thiệu các khái niệm về sinh thái, tài nguyên, môi trường. Sinh viên cũng được giới thiệu các biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên mà đỉnh cao của nó là phát triển bền vững – một sự kết hợp hài hòa và tối ưu cho sự phát triển của con người trong khi vẫn bảo vệ được môi trường tự nhiên và xã hội.	2	28		2	60	1
14	KTTN037	Dân số và phát triển	Học phần bao gồm các nội dung chính liên quan đến: Quy mô, cơ cấu và sự phân bố dân cư, động dân số (gia tăng tự nhiên, gia tăng cơ học và gia tăng dân số); phát triển và các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển của lãnh thổ; mối quan hệ giữa dân số và các vấn đề phát triển (kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường) và lồng ghép biến dân số vào các kế hoạch phát triển.	2	16	6	8	60	1
I.5	Giáo dục thể chất – An ninh quốc phòng			12					
	Giáo dục thể chất (*)			4					
	Giáo dục quốc phòng (*)			8					
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			97					
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành			42					
15	KTTN005	Nguyên lý thống kê kinh tế	Học phần được thiết kế gồm 9 chương, tập trung vào các nội dung về dữ liệu thống kê; các kỹ thuật tóm tắt dữ liệu định tính và định lượng (sơ đồ nhánh và lá, bảng chéo và biểu đồ phân tán, khuynh hướng trung tâm, đo lường vị trí, độ phân tán) và khám phá dữ liệu; kiến thức cơ bản về kiểm định giả thuyết trong nghiên cứu thống kê và suy diễn thống kê cho trung bình và tỷ lệ của hai tổng thể; xây dựng mối quan hệ tuyến tính giữa biến phụ thuộc và biến độc lập; phương pháp tính chỉ số; và một số phương pháp dự báo dựa trên chuỗi thời gian. Song song với nội dung của các chương là các bài tập, ứng dụng thực hành và các file dữ liệu thực tế để sinh viên sử dụng trong quá trình học tập	3	32	6	7	90	2
16	KTTN006	Kinh tế vi mô	Nội dung chủ yếu của học phần này là giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Cụ thể, học viên sẽ được giới thiệu những nguyên lý cơ bản về cung cầu, hành	3	31	2	12	90	3

			vi người tiêu dùng, hành vi người sản xuất, cấu trúc thị trường, cũng như các nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô và sự can thiệp của chính phủ vào thị trường.						
17	KTTN007	Kinh tế vĩ mô	Nội dung chủ yếu của học phần này là giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là làm rõ các khái niệm, sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp cho sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể. Sinh viên sẽ được tiếp cận các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định tiêu dùng, đầu tư, sản lượng, lý thuyết về lạm phát và thất nghiệp, cũng như nguyên lý hoạt động của các chính sách kinh tế vĩ mô.	3	35	10		90	3
18	KTTN008	Kinh tế lượng	Học phần được chia làm 4 phần lớn giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Kinh tế lượng. Kinh tế lượng là môn học tập trung vào việc xây dựng, ước lượng, và phân tích các mô hình hồi quy phản ánh mối quan hệ giữa các hiện tượng kinh tế-xã hội. Trên cơ sở phân tích kết quả của các mô hình kinh tế lượng, các mối quan hệ giữa các hiện tượng kinh tế - xã hội, các nhà hoạch định chính sách có cơ sở tin cậy để phân tích, dự báo và đề xuất các chính sách hiệu quả để phát triển kinh tế, xã hội.	3	25	20		90	2
19	KTTN025	Địa lý kinh tế	Học phần này sẽ giới thiệu cho sinh viên về hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong mối quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới, các nguồn lực phát triển kinh tế, các hình thức và cơ sở lựa chọn các hình thức tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế tại Việt Nam.	3	39		6	90	3
20	KTTN024	Khí tượng học	Học phần gồm 8 chương, tóm tắt bởi các nội dung chính như sau: Những kiến thức cơ bản về khí tượng học: Thành phần và cấu trúc của khí quyển, bức xạ mặt trời, nhiệt độ đất, nhiệt độ không khí, nước trong tự nhiên (bốc hơi, độ ẩm, mây, mưa), áp suất khí quyển và gió; Thời tiết và những hiện tượng thời tiết đặc biệt ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất: Bão, mưa đá, hạn hán, sương muối...; Đại cương về khí hậu: Những nhân tố hình thành khí hậu, các khái niệm về đới và hình khí hậu, cách phân loại khí hậu; Đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam, khí hậu các vùng miền; Nguyên nhân, biểu hiện, tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông lâm ngư nghiệp và giải pháp ứng phó.	2	19	1	9	60	3
21	KTTN012	Sinh thái học đại cương	Học phần sinh thái học gồm những nội dung cơ bản về các khái niệm, quy luật Sinh thái học, vai trò của các nhân tố sinh thái và sự thích	2	22	6	2	60	3

			<p>ngi của sinh vật với các nhân tố này, thể hiện qua mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường. Sự chuyên hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái, các chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên. Ngoài ra, học phần sinh thái học còn cung cấp cho sinh viên một số nhận biết về chỉ thị sinh học môi trường.</p>						
22	KTTN013	Hệ thống thông tin địa lý GIS	<p>Nội dung học phần gồm có 5 chương bao gồm: Các khái niệm cơ bản của GIS, cấu trúc và mô hình dữ liệu của GIS, Mô hình số hóa độ cao, các chức năng của GIS, Ứng dụng GIS trong lĩnh vực Tài nguyên môi trường.</p>	2	15		15	90	
23	KTTN014	Viễn thám ứng trong Quản lý TNMT	<p>Học phần này gồm có 5 chương bao gồm: Những kiến thức cơ bản về viễn thám; lịch sử phát triển của khoa học viễn thám trên thế giới; nguyên lý cơ bản của viễn thám; cơ sở vật lý của viễn thám cũng; cách thức thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. Các vấn đề chung về đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật và các yếu tố ảnh hưởng đến đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên. Khái niệm cơ bản về giải đoán ảnh viễn thám; cơ sở giải đoán ảnh viễn thám; các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám. Quy trình thành lập các loại bản đồ chuyên đề phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai bằng tư liệu ảnh viễn thám.</p>	3	20		25	90	3
24	KTTN015	Trắc địa và bản đồ đại cương	<p>Trắc địa và bản đồ đại cương là môn khoa học chuyên nghiên cứu về hình dạng và kích thước của toàn bộ bề mặt trái đất hoặc một phần bề mặt trái đất. Môn học Trắc địa và Bản đồ đại cương là học phần đầu tiên của nhóm môn học về Trắc địa (Trắc địa và Trắc địa thực hành). Cụ thể bao gồm các kiến thức sau: những kiến thức cơ bản về Trắc địa; lý thuyết về sai số trong đo đạc; Nguyên lý, dụng cụ và các phương pháp đo góc, đo chiều dài, đo chiều cao; Phương pháp thành lập, đo và tính toán lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao; Phương pháp đo vẽ chi tiết, thành lập và sử dụng bản đồ địa hình, địa chính.</p>	4	33	27		120	3
25	KTTN016	Kinh tế phát triển	<p>Học phần Kinh tế phát triển sẽ giúp sinh viên nắm được những vấn đề tổng quan và có cái nhìn đầy đủ, toàn diện về kinh tế phát triển để có thể vận dụng vào công việc quản lý của mình. Các chủ đề bao gồm phát triển và phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế, nguồn lực và động lực phát triển kinh tế, đầu tư phát</p>	2	28	2		60	3

			triển. Từ đó giúp các sinh viên, các nhà quản lý, nhà kinh tế đưa ra đề xuất chính sách, giải pháp và ra quyết định kịp thời trong các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển.						
26	KTTN017	Quản trị học	Học phần này có 7 chương, bao gồm: Tổng quan về quản trị học; Nhà quản trị; Thông tin và quyết định quản trị; Chức năng hoạch định; Chức năng tổ chức; Chức năng điều kiện; Chức năng kiểm tra.	2	24		6	60	2
27	KTTN018	Biến đổi khí hậu	Học phần Biến đổi khí hậu được thiết kế gồm 6 chương, để trang bị cho người học các kiến thức nền tảng về Biến đổi khí hậu, cụ thể gồm: Các khái niệm liên quan đến Biến đổi khí hậu; Biểu hiện của Biến đổi khí hậu; Nguyên nhân của Biến đổi khí hậu; Tác động của Biến đổi khí hậu; Ứng phó (thích ứng và giảm nhẹ) với Biến đổi khí hậu; Xây dựng và cập nhật các kịch bản Biến đổi khí hậu trong tương lai.	2	21		9	60	3
28	KTTN019	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Học phần gồm có 4 chương bao gồm Cấu trúc cơ bản của nghiên cứu; Quá trình nghiên cứu; Thiết kế nghiên cứu; Các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu và thông tin; Các phương pháp phân tích định tính và định lượng cơ bản trong giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội.	2	24		6	60	3
29	KTTN021	Du lịch sinh thái	Môn học du lịch sinh thái truyền đạt cho người học các khái niệm về du lịch, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng. Các loại hình tài nguyên sinh thái để phát triển du lịch. Môn học này cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về quy luật tương tác giữa tự nhiên và con người, cũng như các loại hình du lịch sinh thái gắn với phát triển cộng đồng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Môn học cũng cung cấp các kiến thức, phương pháp quản lý và kỹ năng xây dựng các đề xuất dự án du lịch sinh thái theo các quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế. Kỹ năng làm việc du lịch tại các khu bảo tồn, Vườn quốc gia, khu bảo vệ tài nguyên sẽ được giới thiệu. Môn này sẽ được tổ chức dạy theo phương pháp tích cực, chú trọng thời gian thực địa và thực hành.	2	16	2	12	60	3
30	KTTN022	Địa lý thủy văn	Nội dung bao gồm 5 chương với nội dung chủ yếu của học phần gồm: Những khái niệm chung về Thủy Văn học; Những nét cơ bản về đặc điểm hình thái và động lực dòng chảy sông ngòi; Những nét cơ bản về các kiểu, hình thái, chế độ thủy văn của Hồ và đầm lầy; Giới thiệu sơ lược về quy luật vận động của nước dưới đất, các kiểu và đặc	2	27	3		60	3

			điểm của một số loại nước dưới đất chủ yếu (nước trong đới thông khí, nước ngầm, nước actêzi và một số loại nước dưới đất khác); Các phương pháp đo đạc các yếu tố thủy văn.						
31	KTTN023	Khoa học đất đai cương	Nội dung học phần gồm có 4 chương như sau: chương 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức về nguồn gốc và sự hình thành đất; chương 2 và 3 cung cấp cho sinh viên về hóa tính đất và lý tính đất; chương 4 sẽ giới thiệu cho sinh viên những đặc điểm và tính chất của các loại đất chính ở Việt Nam.	2	22	1	7	60	3
II.2	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			55					
32	KTTN010	Kiểm toán môi trường	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường bao gồm: các khái niệm, nội dung thủ tục phương pháp kiểm toán môi trường và kiểm toán chất thải. Nội dung chủ yếu của học phần bao gồm: các vấn đề chung về kiểm toán môi trường và kiểm toán giảm thiểu chất thải, quy trình thực hiện, các phương pháp và kỹ thuật sử dụng trong kiểm toán, một số hướng dẫn đánh giá môi trường mẫu đối với một số lĩnh vực cụ thể. Thông qua các bài thực hành giúp người học có kỹ năng tiến hành kiểm toán môi trường cho các cơ sở đang hoạt động. Ngoài ra người học phát triển một số kỹ năng khác như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày.	3	29	6	10	90	4
33	KTTN011	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	Học phần Luật và Chính sách Tài nguyên môi trường được thiết kế gồm 4 chương chính, để trang bị cho người học các kiến thức nền tảng về Luật và Chính sách Tài nguyên môi trường, cụ thể gồm: (1) Luật Quốc tế về bảo vệ tài nguyên môi trường; (2) Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam; (3) Các chính sách bảo vệ tài nguyên môi trường trên thế giới; (3) Các chính sách bảo vệ tài nguyên môi trường ở Việt Nam.	2	24		6	60	4
34	KTTN026	Phương pháp nghiên cứu đánh giá TNMT	Nội dung của học phần gồm 5 chương hướng dẫn cho sinh viên cách thức lựa chọn và lập đề cương cho một đề tài nghiên cứu khoa học, giới thiệu và hướng dẫn một số phương pháp nghiên cứu, đánh giá tài nguyên và môi trường; cách thức viết một bài báo, một báo cáo khoa học và thực hành làm bài trình chiếu thể hiện được nội dung quan tâm của sinh viên về một chủ đề liên quan đến tài nguyên, môi trường để có thể vận dụng trong thực tiễn.	3	23		22	90	5
35	KTTN027	Kinh tế tài nguyên	Học phần được chia làm 8 chương giới thiệu về những kiến thức của kinh tế tài nguyên, giúp người học nắm các kiến thức cơ bản về các	6	30	2	13	90	6

			khái niệm, mối quan hệ giữa tài nguyên và phát triển kinh tế, kinh tế tài nguyên đất, kinh tế tài nguyên nước, kinh tế tài nguyên rừng, kinh tế tài nguyên khoáng sản, kinh tế tài nguyên không tái tạo, kinh tế các loài động thực vật hoang dã, đánh giá giá trị tài nguyên thiên nhiên.						
36	QT22019	Marketing căn bản	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp. Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua đó, đồng thời hiểu rõ quá trình ra quyết định mua của người tiêu dùng và hiểu về chính sách sản phẩm, chính sách giá của sản phẩm và chính sách phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.	3	36	9		90	3
37	KTTN029	Quản lý Tài nguyên đất	Nội dung chủ yếu của học phần này là giới thiệu những công tác quản lý tài nguyên đất ở Việt Nam, bao gồm: Đặc điểm tài nguyên đất Việt Nam, công tác quản lý tài nguyên đất ở Việt Nam, các nội dung quản.	2	23	1	6	60	5
38	KTTN030	Quản lý Tài nguyên nước	Học phần này gồm có 6 chương, bao gồm: Sự hình thành nguồn nước và chất lượng nguồn nước; Quá trình ô nhiễm và tự làm sạch nguồn nước; Kiểm soát chất lượng nguồn nước; quản lý tổng hợp nguồn nước.	2	21	3	6	60	5
39	KTTN031	Quản lý Tài nguyên rừng	Học phần được chia làm 4 phần lớn để trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên rừng, sự hiểu biết một cách hệ thống, toàn diện về các loại tài nguyên rừng gắn với ngành nông-lâm nghiệp. Giúp người học tăng cường hiểu biết các phương thức quản lý tài nguyên rừng và các vấn đề môi trường. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp về kỹ thuật, thể chế, chính sách để phát triển bền vững các nguồn tài nguyên rừng. Cụ thể: Chương 1: Trình bày các khái niệm và phân loại tài nguyên rừng và phát triển bền vững; Chương 2: Giới thiệu về các vấn đề liên quan đến mất rừng và suy thoái rừng và quản lý và sử dụng rừng bền vững; Chương 3: Khái quát về quản lý tài nguyên rừng dựa trên cơ sở các kỹ thuật lâm sinh; Chương 4: Trình bày tiếp cận tổng hợp trong quản lý tài nguyên rừng.	2	22		8	60	5
40	KTTN032	Quản lý môi trường	Học phần gồm có 6 chương, bao gồm: Những vấn đề môi trường do quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, và hoạt động nông nghiệp; Các công cụ pháp lý trong quản lý môi trường; Các công cụ kỹ thuật trong	4	42	2	16	120	5

			quản lý môi trường và giám sát ô nhiễm; Các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường và kiểm soát ô nhiễm; Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp bền vững; Quản lý môi trường nông nghiệp bền vững.						
41	KTTN033	Đánh giá tác động môi trường	Học phần được chia làm 5 phần lớn giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Tin học, giúp người học nắm các kiến thức cơ bản về máy tính, biết ứng dụng để khai thác và bảo trì máy tính, soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và sử dụng các tài nguyên mạng phục vụ cho cuộc sống, học tập và công việc một cách hiệu quả và có trách nhiệm. Cụ thể: Phần 1 trình bày các khái niệm và thao tác căn bản về máy tính; Phần 2 giới thiệu về soạn thảo văn bản với MS Word; Phần 3 xử lý bảng tính với MS Excel; Phần 4 giới thiệu mạng máy tính, Internet và khai thác các công cụ lưu trữ, chia sẻ thông tin, kỹ năng làm việc nhóm trực tuyến; Phần 5 giới thiệu cơ bản về trình chiếu trên PowerPoint.	3	32	1	15	90	4
42	KTTN034	Phân tích lợi ích - chi phí	Học phần được chia làm 5 chương về những kiến thức cơ bản về phân tích lợi ích – chi phí, giúp người học nắm các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích lợi ích – chi phí, đối tượng sử dụng của phân tích lợi ích - chi phí, biết ứng dụng phân tích lợi ích - chi phí phục vụ cho việc phân tích hiệu quả kinh tế của các dự án sản xuất kinh doanh, các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể: Phần 1 giới thiệu chung về phân tích lợi ích – chi phí; Phần 2 Đánh giá kinh tế các lợi ích xã hội; Phần 3 Đánh giá kinh tế những ảnh hưởng gián tiếp; Phần 4 Chi phí cơ hội, giá thị trường và giá bóng; Phần 5 Đánh giá kinh tế hàng hóa phi thị trường, chiết khấu, các tiêu chí quyết định, tính không chắc chắn, phân tích rủi ro và cơ sở của phân tích lợi ích – chi phí.	3	30	15	15	120	7
43	KTTN035	Định giá tài nguyên môi trường	Học phần được chia làm 5 phần lớn giới thiệu về những kiến thức cơ bản của học phần định giá tài nguyên môi trường, giúp người học nắm các kiến thức cơ bản về các nhân tố tác động đến định giá tài nguyên môi trường, các phương pháp định giá tài nguyên môi trường để phục vụ việc huy động vốn cho các dự án sản xuất kinh doanh, kinh tế - xã hội, xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đưa ý tưởng từ lý thuyết vào thực tiễn, hỗ trợ việc tìm kiếm giải pháp bảo tồn, giảm thiểu ô nhiễm, xử lý ô nhiễm, giảm sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn. Học phần này cũng giúp việc khắc phục thất bại của cơ chế thị trường, quản lý hàng	3	20	2	23	90	7

			hóa công, hạn chế các tác động tiêu cực của ngoại ứng tiêu cực. Cụ thể: Phần 1 giới thiệu về định giá tài nguyên môi trường; Phần 2 trình bày những nhân tố tác động đến định giá tài nguyên môi trường; Phần 3 giới thiệu về phương pháp định giá tài nguyên môi trường; Phần 4 Các mốc thời gian ngắn hạn, rủi ro, công nghệ và sự thay đổi công nghệ; Phần 5 Các khía cạnh cần đánh giá, chi phí giao dịch và vốn xã hội.						
44	KTTN036	Thực tế nghề nghiệp	Thực tập môn học là đợt thực tập tổng hợp về kiến thức ngành và chuyên ngành được đào tạo. Nội dung của phần bao gồm: Khảo sát sự phân hoá tự nhiên và kinh tế - xã hội của lãnh thổ; Đào phẫu diện đất và quan trắc khí hậu; Tìm hiểu thực trạng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và vấn đề khai thác, sử dụng, bảo vệ; Các vấn đề môi trường của địa phương và các giải pháp khắc phục; Tìm hiểu các chính sách phát triển kinh tế địa phương và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên; Vấn đề ứng dụng, sử dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, đặc biệt là công nghệ GIS.	6			120	240	7
45	KTTN009	Kinh tế môi trường	Kinh tế môi trường sẽ cung cấp những kiến thức như: (1) Tổng quan chung về quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, nguyên nhân của sự thất bại thị trường trong phân phối tài nguyên thiên nhiên và môi trường; (2) Các hình thức tạo dựng thị trường để giải quyết vấn đề ô nhiễm, phương pháp cơ bản đánh giá thiệt hại môi trường phục vụ cho các mục đích khác nhau, phương pháp phân tích lợi ích - chi phí trong bài toán môi trường; (3) Giới thiệu tổng quan về các chính sách môi trường mà trong đó chủ yếu các công cụ về kinh tế môi trường; (4) Phát triển bền vững. Nhóm sinh viên tự tiến hành đi thực địa và viết báo cáo.	3	27	9	9	90	4
46	KTTN020	Kinh tế học bền vững	Học phần gồm 7 phần/chương nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: (1) Khái niệm phát triển bền vững, những vấn đề chuyên đòi cần thiết, một số vấn đề tranh luận hiện nay, (2) Những đóng góp của khoa học kinh tế dành cho phát triển bền vững, (3) Đạo đức dành cho phát triển bền vững, (4) Cơ sở liên xuyên ngành cho phát triển bền vững, (5) Các công cụ về chính sách - pháp lý, (6) Chính sách kinh tế cho phát triển bền vững, (7) Những phương diện phát triển bền vững ở góc độ toàn cầu.	2	16		14	60	6
47	QT22018	Tài chính nhập môn	Môn học đề cập đến quá trình ra đời, phát triển, lưu thông của tiền tệ trong nền kinh tế gắn với các biến	4	56		4	120	4

			số kinh tế như lãi suất, lạm phát và hoạt động của các ngân hàng trung gian và hoạt động của ngân hàng trung ương với các chức năng và chính sách tiền tệ nhằm mục đích ổn định kinh tế vĩ mô nền kinh tế.						
48	QT22028	Kinh doanh bất động sản	Kinh doanh bất động sản là môn khoa học nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về bất động sản và thị trường bất động sản. Môn học đi sâu vào phân tích các vấn đề liên quan đến cầu bất động sản, các vấn đề liên quan đến cung bất động sản. Từ đó, môn học đánh giá về mối quan hệ giữa cung và cầu bất động sản, phân tích để hiểu rõ cơ chế hình thành giá cả bất động sản trên thị trường. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản trong việc lập và quản lý một dự án đầu tư bất động sản, tập trung phân tích các chỉ số tài chính trong đầu tư bất động sản	4	44		16	120	6
49	KTTN042	Kinh tế vùng	Học phần này gồm các nội dung sau: đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học Kinh tế vùng, thực trạng tăng trưởng và các chính sách kinh tế ở Việt Nam, thực trạng huy động và sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế của Việt Nam, khái quát tình hình phát triển các ngành kinh tế, và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	24		6	60	6
50	KTTN043	Bảo tồn đa dạng sinh học	Học phần được chia làm 4 phần lớn giới thiệu về những kiến thức đại cương của môn Bảo tồn đa dạng sinh học, giúp học viên hiểu được khái niệm, giá trị đa dạng gia sinh học trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng; các phương pháp bảo tồn cũng như các chính sách, thể chế liên quan đến bảo tồn, phương pháp điều tra giám sát đa dạng sinh học, xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học. Cụ thể: Phần 1 Tổng quan về sinh học bảo tồn và đa dạng sinh học; Phần 2 Những mối đe dọa đối với đa dạng sinh học và các cấp độ bảo tồn; Phần 3 Bảo tồn và phát triển bền vững; Phần 4 Điều tra và giám sát đa dạng sinh học.	2	19	1	10	60	6
III	KHỐI TỐT NGHIỆP			10					
	Khóa luận tốt nghiệp			10					
	Tiểu luận tốt nghiệp			4					
51	KTTN044	Phân tích định lượng trong kinh tế	Môn học phân tích định lượng trong kinh tế gồm 5 chương, nhằm trang bị kiến thức cơ bản cho học viên về mục đích, nội dung phân tích định lượng trong kinh tế, các phương pháp phân tích định lượng, phân tích định lượng trong kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô; phân tích các vấn đề có tính nguyên nhân (đầu tư, cơ cấu kinh tế, nhân lực, công nghệ và	3	35	2	8	90	8

			chính sách) phục vụ nghiên cứu quản lý kinh tế và ra quyết định. Bên cạnh đó, cung cấp cho học viên cách thức tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trên cơ sở sử dụng các phần mềm thống kê, chương trình đơn giản như EViews, STATA, EXCEL. Từ đó giúp các nhà kinh tế đưa ra kết quả phân tích kinh tế chính xác góp phần đề xuất chính sách, giải pháp và ra quyết định kịp thời trong hoạt động quản lý.						
52	KTTN045	Kinh tế nông hộ	Học phần Kinh tế nông hộ được xây dựng bao gồm 4 chương với nội dung sau: Giới thiệu chung về hộ nông dân, kinh tế nông hộ, lý thuyết về hành vi sản xuất và tiêu dùng của hộ nông dân, các nguồn lực của hộ nông dân (vốn, đất đai, lao động, khoa học công nghệ), hạch toán đánh giá kinh tế nông hộ (thu, chi), vấn đề phát triển kinh tế hộ (các cơ hội và thách thức, các chính sách hỗ trợ), đồng thời cung cấp các tình huống thực tiễn trong kinh tế nông hộ trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam.	3	30	10	5	90	8

Ghi chú: chưa tính Giáo dục thể chất và Quốc phòng.

E. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1			
2			

F. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Đại học				

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo quốc tế về Bảo vệ	12-13/11/2020	Khoa Quốc tế Đại	60

	môi trường và Quản lý tài nguyên hướng tới phát triển bền vững trong bối cảnh biến động kinh tế và khí hậu		học Huế	
2	Hội thảo trực tuyến Kick-off của dự án FloodAdapt	15/6/2021	Khoa Quốc tế Đại học Huế	70
3	Hội thảo “PlasticAction - Nâng cao nhận thức giảm thiểu rác thải nhựa” trong khuôn khổ dự án “Raising Awareness to Manage Plastic Waste in Vietnam During and PostCovid-19 Pandemic”	7/5/2022	Khoa Quốc tế Đại học Huế	100

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số toàn vẹn môi trường (eii) phục vụ cho công tác quy hoạch phát triển bền vững các đô thị di sản	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Khánh Linh ThS. Phan Quang Tân TS. Phạm Gia Tùng TS. Lê Ngọc Phương Quý ThS. Trương Đỗ Minh Phụng ThS. Nguyễn Bích Ngọc TS. Đỗ Thị Việt Hương TS. Phạm Ngọc Tùng	Phòng Tài nguyên Môi trường Tp Huế, Tp Hội An Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế Trung Tâm bảo tồn di sản văn hóa Tp Hội An Phòng phát triển đô thị, viện quy hoạch Tp Hội An	2020-2022	460tr	Sản phẩm khoa học - Tạp chí quốc tế: 01 (SCIE/SCOPUS) Tạp chí trong nước: 02 - Sách chuyên khảo: 01 Sản phẩm ứng dụng - 01 Bộ bản đồ hiện trạng phân bố KGX - 01 Bộ bản đồ biến động phân bố KGX - 01 Bộ chỉ số toàn vẹn môi trường (EII) - 01 Phim ngắn - 01 Bản khuyến nghị
2	Nghiên cứu mô hình bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc Gia Bạch Mã, tỉnh Thừa Thiên Huế	ThS. Đỗ Trung Đông ThS. Lê Nguyễn Thới Trung ThS. Phan Quang Tân TS. Phạm Gia Tùng PGS. TS.		2020-2022	80tr	Sản phẩm khoa học - Tạp chí quốc tế: 01 WoS/SCIE hoặc Scopus - Tạp chí trong nước: 01 tạp chí Đại học Huế Sản phẩm ứng dụng - Bản báo cáo hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học trong bối cảnh phát triển du

		Nguyễn Hoàng Khánh Linh				lịch; - Bộ khung lý thuyết xác định mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học; - Bản khuyến nghị/đề xuất mô hình phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ đa dạng sinh học.
--	--	-------------------------------	--	--	--	---

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2022

KHOA TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Khánh Linh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó: Trụ sở chính : a 01 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Ninh, Thành Phố Huế b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...	300			
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó: Trụ sở chính: 01 Điện Biên Phủ, Phường Vĩnh Ninh, Thành Phố Huế a Vĩnh Ninh, Thành Phố Huế b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...	180			

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...							
2	Phòng thực hành...							
3	Xưởng thực tập...							
4	Nhà tập đa năng							
5	Hội trường							
6	Phòng học...	7	Học, làm việc	SV, GV	390	x		
7	Phòng học đa phương tiện...	1	Đa năng	Sinh viên	120	x		
8	Thư viện...	1			2.500		x	
9	Trung tâm học liệu...	1			60		x	
10	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	
2	Số chỗ ngồi đọc	
3	Số máy tính của thư viện	20
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	572
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	
2	Diện tích sàn/sinh viên	

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2022

KHOA TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Khánh Linh

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	...					
2	Khối ngành II					
	...					
3	Khối ngành III					
	...					
4	Khối ngành IV					
	...					
5	Khối ngành V					
	...					
6	Khối ngành VI					
	...					
7	Khối ngành VII					
1	Đào Thế Đồng	Nam	1980	Giảng viên	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
2	Đào Thị Vinh	Nữ	1990	Giảng viên	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
3	Đỗ Thị Xuân Dung	Nữ	1972	Giảng viên	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
4	Nguyễn Công Khanh	Nam	1951	Giảng viên	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
5	Nguyễn Thị Minh	Nữ	1985	Giảng viên	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
6	Nghiêm Tuấn Hùng	Nam	1986	Giảng viên	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
7	Đặng Hoàng Hà	Nam	1982	Giảng viên	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
8	Lê Giang	Nam	1984	Giảng viên	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
9	Nguyễn Quế Thương	Nữ	1976	Giảng viên	Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế
10	Lê Nam Trung Hiếu	Nam	1990	Giảng viên	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
11	Võ Thị Kim Thảo	Nữ	1990	Giảng viên	Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế
12	Trần Quang Diệu,	Nam	1979	Giảng viên	Tiến sĩ	Truyền thông đa phương tiện
13	Phạm Hữu Quang,	Nam	1977	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
14	Nguyễn Thị Hồng Kel,	Nữ	1990	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
15	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	1991	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
16	Lê Thị Thanh Châu,	Nữ	1994	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
17	Đinh Thị Hương Giang,	Nữ	1983	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện

18	Nguyễn Thị Quỳnh Như,	Nữ	1996	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
19	Trần Anh Tú	Nam	1976	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
20	Kap Thành Long,	Nam	1983	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
21	Nguyễn Thùy Trang,	Nữ	1985	Giảng viên	Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
22	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	Nữ	Tiến sĩ	Địa lý/Quản lý đất đai	PGS,Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
23	Nguyễn Trung Dũng	Nam	TSKH	Cải tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường	PGS,Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
24	Huỳnh Văn Chương	Nam	Tiến sĩ	Nông nghiệp/Quản lý đất đai	PGS,Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
25	Phạm Gia Tùng	Nam	Tiến sĩ	Địa lý/Quản lý đất đai	Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
26	La Dương Hải	Nam	Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng dân dụng, giao thông và môi trường địa chất	Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
27	Nguyễn Vũ Bảo Chi	Nữ	Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên/ Khoa học sự sống và môi trường	Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
28	Nguyễn Đình Huy	Nam	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
29	Nguyễn Quang Tân	Nam	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
30	Nguyễn Thới Trung	Nam	Thạc sĩ	Quản lý môi trường	Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
31	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	Thạc sĩ	Quản lý môi trường	Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	47/31

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2022

KHOA TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Khánh Linh

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	<i>Khối ngành Quan hệ Quốc tế</i>	Triệu đồng/năm	9,840	39,360
	<i>Truyền thông đa phương tiện</i>	Triệu đồng/năm	11,360	45,440
	<i>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	Triệu đồng/năm	11,120	44,480
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		

IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		5.315
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		478
2	Từ học phí	Tỷ đồng		1.097
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Hoạt động sản xuất, dv viện trợ	Tỷ đồng		3.540
5	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		200

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 6 năm 2022

KHOA TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Khánh Linh